

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La  
theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024 ;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017 ;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 210/TTr-SNN ngày 15/5/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, với những nội dung sau:

### 1. Định hướng phát triển lâm nghiệp

**1.1. Đối với rừng đặc dụng:** Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng hiện có, mở rộng diện tích theo quy hoạch đã phê duyệt để bảo tồn tính đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen, bảo vệ cảnh quan rừng di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch sinh thái ở những khu rừng được phép; nâng cao chất lượng rừng, làm giàu rừng, tăng độ che phủ rừng; phát huy tốt nhất việc bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng.

**1.2. Đối với rừng phòng hộ:** Bảo vệ rừng tự nhiên và rừng trồng hiện có được quy hoạch cho phòng hộ, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên những nơi đảm bảo tiêu chí, đủ khả năng tái sinh thành rừng. Trồng hỗn loài bằng những loài cây bản địa, cây đa mục đích, các loài cây phụ trợ, cây dược liệu dưới tán rừng. Nâng cao chất lượng rừng, tăng độ che phủ rừng để phát huy tốt nhất khả năng phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ môi trường sinh thái.

**1.3. Đối với rừng sản xuất:** Phát triển tối đa diện tích rừng kinh tế; tập trung có chọn lọc loài cây đa mục tiêu, hiệu quả kinh tế cao, phù hợp trên địa bàn; quy hoạch phát triển rừng nguyên liệu, thâm canh gắn công nghệ cao trong sản xuất, chế biến với tiêu thụ.

## **2. Điều chỉnh diện tích đất lâm nghiệp thời kỳ 2021-2030**

### **2.1. Điều chỉnh đất rừng đặc dụng**

Tổng diện tích đất rừng đặc dụng sau rà soát là 88.399,3 ha, cụ thể:

*a) Tổng đất rừng đặc dụng chuyển sang đất rừng phòng hộ, sang đất rừng sản xuất và ra ngoài đất lâm nghiệp là 1.372,2 ha, trong đó: rừng tự nhiên 28,4 ha, rừng trồng 26,8 ha, đất chưa có rừng 1.317,0 ha, cụ thể:*

- Chuyển sang đất rừng phòng hộ: 3,6 ha rừng tự nhiên thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La.

- Chuyển sang đất rừng sản xuất: 33,8 ha (rừng tự nhiên 1,2 ha; rừng trồng 26,8 ha; đất chưa có rừng 5,8 ha), trong đó:

+ Khu rừng đặc dụng phòng hộ Thuận Châu: 28,1 ha (rừng trồng 24,5 ha; đất chưa có rừng 3,6 ha)

+ Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La: 1,2 ha rừng tự nhiên.

+ Khu rừng đặc dụng phòng hộ Sốp Cộp: 4,5 ha (rừng trồng 2,3 ha; đất chưa có rừng 2,2 ha).

- Chuyển ra ngoài đất lâm nghiệp: 1.334,8 ha (rừng tự nhiên 23,6 ha, đất không có rừng 1.311,2 ha), trong đó:

+ Khu rừng đặc dụng Tà Xùa: 116,4 ha, trong đó: huyện Bắc Yên 61,1 ha (rừng tự nhiên 10,2 ha, đất không có rừng 50,9 ha); huyện Phù Yên 55,3 ha (rừng tự nhiên 13,4 ha, đất không có rừng 41,9 ha).

+ Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La, huyện Mường La: 322,3 ha đất không có rừng.

+ Khu rừng đặc dụng phòng hộ Sốp Cộp: 633,7 ha đất không có rừng (huyện Sông Mã 297,1 ha, huyện Sốp Cộp 336,6 ha).

+ Khu rừng đặc dụng, phòng hộ Thuận Châu: 257,1 ha đất không có rừng.

+ Trung tâm khoa học lâm nghiệp Tây Bắc, thuộc thành phố Sơn La: 5,4 ha đất khác (bãi khai thác đá).

*b) Tổng diện tích chuyển vào quy hoạch đất rừng đặc dụng là 1.920,1 ha, trong đó: rừng tự nhiên 1.675,1 ha, rừng trồng 9,1 ha, đất chưa có rừng 235,9 ha, cụ thể:*

- Chuyển vào đất rừng đặc dụng từ đất rừng phòng hộ: 1.124,8 ha (rừng tự nhiên 1.089,3 ha; rừng trồng 7,0 ha; đất chưa có rừng 28,5 ha), trong đó:

+ Khu rừng đặc dụng Tà Xùa, huyện Bắc Yên: 168,0 ha, là rừng tự nhiên khu U Bò thuộc xã Háng Đông.

+ Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La: 167,6 ha (*rừng tự nhiên 155,3 ha; đất chưa có rừng 12,3 ha*).

+ Quy hoạch mới khu Bảo vệ cảnh quan Rừng Đại tướng Võ Nguyên Giáp thuộc xã Gia Phù, huyện Phù Yên: 175,0 ha (*rừng tự nhiên 162,5 ha, đất chưa có rừng 12,5 ha*), theo nội dung tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Khu rừng đặc dụng phòng hộ Sốp Cộp thuộc huyện Sông Mã và Sốp Cộp: 565,8 ha (*rừng tự nhiên 556,6 ha; rừng trồng 7,0 ha; đất chưa có rừng 2,2 ha*). Trong đó huyện Sông Mã 289,3 ha; huyện Sốp Cộp 276,5 ha.

+ Khu rừng đặc dụng phòng hộ Thuận Châu: 48,4 ha (*rừng tự nhiên 47,0 ha; đất chưa có rừng 1,4 ha*).

- Chuyển vào đất rừng đặc dụng từ đất rừng sản xuất: 147,2 ha (*rừng tự nhiên 43,4 ha; rừng trồng 1,1 ha, đất chưa có rừng 102,7 ha*), trong đó:

+ Khu rừng đặc dụng Tà Xùa, huyện Bắc Yên: 7,3 ha, toàn bộ là diện tích rừng tự nhiên khu U Bò thuộc xã Háng Đồng.

+ Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La, huyện Mường La: 59,8 ha, toàn bộ diện tích là đất chưa có rừng thuộc diện tích đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La.

+ Quy hoạch mới khu Bảo vệ cảnh quan Rừng Đại tướng Võ Nguyên Giáp thuộc xã Gia Phù và Suối Bau huyện Phù Yên: 73,4 ha (*rừng tự nhiên 35,4 ha, rừng trồng 1,1 ha, đất chưa có rừng 36,9 ha*), theo nội dung tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Khu rừng đặc dụng phòng hộ Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp: 2,9 ha là đất chưa có rừng.

+ Khu rừng đặc dụng phòng hộ Thuận Châu: 3,8 ha (*rừng tự nhiên 0,6 ha; đất chưa có rừng 3,2 ha*).

- Chuyển vào đất rừng đặc dụng từ diện tích ngoài 3 loại rừng: 648,1 ha (*rừng tự nhiên 542,4 ha, rừng trồng 1,0 ha, đất chưa có rừng 104,7 ha*), cụ thể:

+ Khu rừng đặc dụng Tà Xùa huyện Bắc Yên: 239,1 ha (*rừng tự nhiên 183,7 ha, đất chưa có rừng 55,4 ha*).

+ Khu bảo tồn thiên nhiên Mường La, huyện Mường La: 167,1 ha, toàn bộ diện tích là rừng tự nhiên nằm xen kẹt trong vùng quy hoạch rừng đặc dụng.

+ Quy hoạch mới khu Bảo vệ cảnh quan Rừng Đại tướng Võ Nguyên Giáp thuộc xã Gia Phù huyện Phù Yên: 19,1 ha (*rừng tự nhiên 3,7 ha, đất chưa có rừng 15,4 ha*), thực hiện theo nội dung tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Khu rừng đặc dụng phòng hộ Sốp Cộp: 63,3 ha là rừng tự nhiên nằm xen kẹt trong vùng quy hoạch rừng đặc dụng (*huyện Sốp Cộp 62,0 ha, huyện Sông Mã 1,3 ha*).

+ Khu rừng đặc dụng phòng hộ Thuận Châu: 159,4 ha (*rừng tự nhiên 124,5 ha, rừng trồng 1,0 ha, đất chưa có rừng 33,9 ha*).

## **2.2. Điều chỉnh đất rừng phòng hộ**

Tổng diện tích đất rừng phòng hộ sau rà soát là 334.638,7 ha, trong đó:

a) Tổng đất rừng phòng hộ chuyển sang đất rừng đặc dụng, sang đất rừng sản xuất và diện tích đất lâm nghiệp chưa đưa vào sử dụng là 60.796,2 ha, trong đó: rừng tự nhiên 13.225,7 ha; rừng trồng 1.355,6 ha; đất chưa có rừng 46.214,9 ha, cụ thể:

- Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất rừng đặc dụng: 1.124,8 ha (rừng tự nhiên 1.089,3 ha; rừng trồng 7,0 ha; đất chưa có rừng 28,5 ha).

- Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất rừng sản xuất 14.718,2 ha (rừng tự nhiên 12.114,2 ha; rừng trồng 1.338,2 ha; đất chưa có rừng 1.265,8 ha).

- Đất rừng phòng hộ chưa đưa vào sử dụng 44.953,2 ha (rừng tự nhiên 22,2 ha; rừng trồng 10,4 ha; đất chưa có rừng 44.920,6 ha).

b) Tổng diện tích chuyển vào quy hoạch đất rừng phòng hộ là 17.525,9 ha, trong đó: rừng tự nhiên 16.329,6 ha, rừng trồng 265,3 ha, đất chưa có rừng 931,0 ha, cụ thể:

- Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất rừng phòng hộ là 3,6 ha rừng tự nhiên.

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất rừng phòng hộ là 13.112,6 ha (rừng tự nhiên 12.392,1 ha; rừng trồng 144,4 ha; đất chưa có rừng 576,1 ha).

- Từ ngoài đất lâm nghiệp vào đất rừng phòng hộ là 4.409,7 ha (rừng tự nhiên 3.933,9 ha; rừng trồng 120,9 ha; đất chưa có rừng 354,9 ha).

## **2.3. Điều chỉnh đất rừng sản xuất**

Tổng diện tích đất rừng sản xuất sau rà soát là 273.834,5 ha, trong đó:

a) Tổng đất rừng sản xuất chuyển sang đất rừng đặc dụng, sang đất rừng phòng hộ và diện tích đất lâm nghiệp chưa đưa vào sử dụng là 102.008,0 ha, trong đó: có 12.634,4 ha rừng tự nhiên; rừng trồng 264,7 ha; đất chưa có rừng 89.108,9 ha, cụ thể:

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất rừng đặc dụng là 147,2 ha (rừng tự nhiên 43,4 ha; rừng trồng 1,1 ha; đất chưa có rừng 102,7 ha).

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất rừng phòng hộ là 13.112,6 ha (rừng tự nhiên 12.392,1 ha; rừng trồng 144,4 ha; đất chưa có rừng 576,1 ha).

- Đất rừng sản xuất chưa đưa vào sử dụng là 88.748,2 ha (rừng tự nhiên 198,9 ha; rừng trồng 119,2 ha; đất chưa có rừng 88.430,1 ha).

b) Tổng diện tích chuyển vào quy hoạch đất rừng sản xuất là 23.712,1 ha, trong đó: rừng tự nhiên 20.235,1 ha, rừng trồng 1.951,9 ha, đất chưa có rừng 1.525,1 ha, cụ thể:

- Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất rừng sản xuất là 33,8 ha (rừng tự nhiên 1,2 ha, rừng trồng 26,8 ha, đất chưa có rừng 5,8 ha).

- Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất rừng sản xuất là 14.718,2 ha (*rừng tự nhiên 12.114,2 ha; rừng trồng 1.338,2 ha; đất chưa có rừng 1.265,8 ha*).

- Từ ngoài đất lâm nghiệp chuyển vào đất rừng sản xuất là 8.960,1 ha (*rừng tự nhiên 8.119,6 ha; rừng trồng 586,9 ha; đất chưa có rừng 253,6 ha*).

#### **2.4. Cơ cấu đất lâm nghiệp sau rà soát**

Tổng diện tích đất lâm nghiệp tích hợp đồng bộ vào Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là 696.872,5 ha, trong đó:

- Diện tích đất rừng phòng hộ: 334.638,7 ha, chiếm 48,0%;

- Diện tích đất rừng đặc dụng: 88.399,3 ha, chiếm 12,7%;

- Diện tích đất rừng sản xuất: 273.834,5 ha, chiếm 39,3%.

TT	Đơn vị hành chính	Đất quy hoạch cho lâm nghiệp (ha)			
		Tổng	Phòng hộ	Đặc dụng	Sản xuất
	<b>Tổng tỉnh</b>	<b>696.872,5</b>	<b>334.638,7</b>	<b>88.399,3</b>	<b>273.834,5</b>
1	Bắc Yên	<b>53.516,0</b>	25.624,6	7.808,6	20.082,8
2	Mai Sơn	<b>51.447,8</b>	24.520,2	0,0	26.927,6
3	Mộc Châu	<b>54.274,8</b>	23.771,5	2.744,7	27.758,6
4	Mường La	<b>73.180,2</b>	38.943,3	18.811,0	15.425,9
5	Phù Yên	<b>65.848,2</b>	29.326,3	9.759,4	26.762,5
6	Quỳnh Nhai	<b>56.689,2</b>	40.318,7	0,0	16.370,5
7	Sông Mã	<b>60.403,5</b>	24.713,9	10.306,6	25.383,0
8	Sốp Cộp	<b>98.053,3</b>	42.255,4	7.261,1	48.536,8
9	Thuận Châu	<b>74.159,1</b>	37.044,0	16.238,7	20.876,4
10	TP Sơn La	<b>10.898,8</b>	7.536,1	40,9	3.321,8
11	Vân Hồ	<b>56.659,2</b>	14.338,1	15.428,3	26.892,8
12	Yên Châu	<b>41.742,4</b>	26.246,6	0,0	15.495,8

(Chi tiết các huyện tại Phụ lục I)

#### **2.5. Các dự án thời kỳ 2021-2030 có sử dụng đất lâm nghiệp**

Tổng số các dự án phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La có sử dụng đất lâm nghiệp hoặc dự kiến sử dụng đất lâm nghiệp là 1.000 dự án, trong đó: số dự án có bản đồ vị trí, ranh giới nằm trong đất lâm nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh là **377 dự án** đã xác định rõ diện tích sử dụng đất lâm nghiệp; số dự án định hướng, chưa có bản đồ dự án, chưa xác định được ranh giới, vị trí cụ thể là 623 dự án (*có tên danh mục dự án*).

(Chi tiết danh mục các dự án tại phụ lục II)

### **3. Quản lý sử dụng diện tích chuyển đổi sau rà soát**

#### **3.1. Đối với đất rừng đặc dụng**

Đối với diện tích đất rừng sau rà soát, chuyển đổi là đất rừng đặc dụng thuộc các nhóm chủ quản lý là UBND xã và Cộng đồng thôn bản; thực hiện trình tự thủ

tục thu hồi đất, xây dựng phương án giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bàn giao rừng, đất lâm nghiệp cho Ban quản lý rừng đặc dụng để quản lý theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều của Luật Lâm nghiệp, trong đó tiếp tục giao khoán đối với diện tích chuyển đổi cho cộng đồng bảo vệ rừng để hưởng lợi các chính sách về rừng của Nhà nước. Đối với khu rừng bảo vệ cảnh quy hoạch mới bổ sung, tiến hành xây dựng đề án thành lập khu rừng và quản lý rừng theo quy định quản lý rừng đặc dụng của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

### **3.2. Đối với đất rừng phòng hộ**

Đối với diện tích đất rừng sau rà soát, chuyển đổi là đất rừng phòng hộ thuộc quản lý của hộ gia đình, cộng đồng tiếp tục khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng dân cư để hưởng lợi từ chính sách về rừng của Nhà nước; Diện tích của các doanh nghiệp Nhà nước, các đối tượng khác và đơn vị vũ trang tiếp tục được giao quản lý bảo vệ rừng phòng hộ theo nội dung Quản lý rừng phòng hộ của Nghị định 156/2018/NĐ-CP.

### **3.3. Đối với rừng sản xuất**

- Đối với diện tích đất hiện do Ban quản lý rừng và UBND xã quản lý nay chuyển sang đất rừng sản xuất, thực hiện giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân để đảm bảo diện tích đất sản xuất.

- Đối với diện tích đất hiện do các Doanh nghiệp, đơn vị vũ trang và đối tượng khác đang quản lý, tiếp tục giao cho chủ sử dụng rừng theo hiện trạng quản lý.

- Đối với diện tích đất do hộ gia đình quản lý (*nếu từ đất rừng phòng hộ chuyển sang sản xuất hoặc từ ngoài 3 loại rừng chuyển vào sản xuất*) thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất hoặc cấp mới, cấp đổi từ đất nông nghiệp sang lâm nghiệp.

### **3.4. Chuyển đổi nội bộ 3 loại rừng (chuyển loại rừng)**

Đối với diện tích đất lâm nghiệp chuyển đổi nội bộ 3 loại rừng, thực hiện theo Điều 18 Luật Lâm nghiệp và Điều 39, khoản 2 Điều 40 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Đối với chủ rừng là Tổ chức tự xây dựng phương án chuyển loại rừng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành. Đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân trong nước và cộng đồng dân cư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ cho Chi cục Kiểm lâm tổ chức xây dựng phương án chuyển đổi loại rừng chung (*cho tất cả các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân trong nước và cộng đồng dân cư*) trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt theo quy định của pháp luật liên quan.

### ***3.5. Đối với diện tích đất từ 3 loại rừng chưa đưa vào sử dụng đất lâm nghiệp***

- Đối với diện tích hiện trạng là đất ở, đất giao thông, đất lúa (*ruộng bậc thang*), đất trồng cây nông nghiệp hàng năm, đất công trình, đất mặt nước, đất phi nông nghiệp khác... đang chồng chéo trong đất quy hoạch lâm nghiệp nay không đưa vào đất lâm nghiệp; Cơ quan Tài nguyên và Môi trường rà soát, kiểm tra, chuyển ra đúng đối tượng theo quy định của pháp luật; cập nhật, quản lý và thống kê vào các loại đất tương ứng theo quy định đất đai của ngành Tài nguyên và Môi trường. Nếu là đất chưa giao thì thực hiện quy trình giao đất theo đúng mục đích sử dụng.

- Đối với diện tích hiện trạng là đất sản xuất cây nông nghiệp (*đất nương rẫy, đất trồng cây hàng năm khác*), đất trống không có cây tái sinh,... chưa sử dụng cho mục đích lâm nghiệp, đề xuất chưa đưa vào đất lâm nghiệp kỳ này; đề nghị cơ quan Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chủ đất về thủ tục để thực hiện việc quản lý sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

- Đối với diện tích đất có rừng nằm trong ranh giới của các dự án đề xuất chuyển ra ngoài lâm nghiệp, chủ đầu tư dự án thực hiện các bước chuyển đổi mục đích sử dụng rừng theo quy định tại Điều 248, Luật Đất đai năm 2024. Trường hợp các dự án thuộc đối tượng đáp ứng các tiêu chí tại Điều 41a, Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ mà có rừng tự nhiên phải chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thì thực hiện đầy đủ hồ sơ và các bước chuyển đổi theo quy định tại Nghị định số 83/2020/NĐ-CP và các quy định hiện hành pháp luật.

### ***3.6. Giao đất, giao rừng và hoàn thiện hồ sơ giao đất sau rà soát***

- Trên cơ sở kết quả rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La, tiếp tục việc rà soát chi tiết diện tích rừng và đất lâm nghiệp ở địa phương xã, phường, thị trấn; lập kế hoạch và phương án gửi UBND huyện, thành phố thực hiện việc giao rừng, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ổn định, lâu dài cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (theo Nghị định 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ thuộc diện tích đất rừng sản xuất).

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình và kinh phí thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, việc chỉnh lý hồ sơ giao đất lâm nghiệp; cấp đổi, cấp lại và chỉnh lý hồ sơ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp sau rà soát đất lâm nghiệp (điều chỉnh 3 loại rừng).

### ***3.7. Đối với diện tích đất lâm nghiệp sau rà soát***

Tổng diện tích đất lâm nghiệp sau rà soát để tích hợp đồng bộ vào Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030 là **696.872,5 ha**, trong đó: diện tích quy hoạch cho mục đích đất rừng phòng hộ là 334.638,7 ha, quy hoạch cho mục đích đất rừng đặc dụng là 88.399,3 ha và quy hoạch cho mục đích đất rừng sản xuất là 273.834,5 ha.

Diện tích đất lâm nghiệp sau rà soát là cơ sở để thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích đất được sử dụng cho mục đích lâm nghiệp; là căn cứ, định hướng để tiến hành xây dựng các dự án cụ thể và lập kế hoạch sử dụng đất và thực hiện các chính sách lâm nghiệp phù hợp trên địa bàn tỉnh.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.**

Tham mưu cho UBND tỉnh trong việc chỉ đạo, điều hành thực hiện quản lý đất sử dụng cho mục đích lâm nghiệp.

- Chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị liên quan xây dựng phương án chuyển đổi rừng (*từ rừng phòng hộ, đặc dụng sang rừng sản xuất; từ rừng sản xuất sang rừng phòng hộ, đặc dụng*) và thẩm định phương án chuyển đổi rừng theo quy định của pháp luật sau rà soát đất lâm nghiệp; Chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị liên quan xây dựng đề án thành lập và quản lý đối với khu bảo vệ cảnh quan Rừng Đại tướng Võ Nguyên Giáp theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, trình UBND tỉnh ra quyết định thu hồi rừng và đất lâm nghiệp; phối hợp với các ngành, UBND các huyện tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị chủ rừng bàn giao rừng, chuyển đổi theo quyết định phê duyệt.

- Định kỳ hàng năm chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và môi trường thực hiện cập nhật rà soát diện tích đất lâm nghiệp đưa vào sử dụng tích hợp vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định của Luật Đất đai.

- Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT ký bộ Bản đồ kết quả rà soát đất lâm nghiệp theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ tích hợp đồng bộ vào Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của cấp Huyện, cấp Xã.

**2. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện chỉnh lý biến động đất đai, hồ sơ địa chính; hướng dẫn việc cấp đổi, cấp lại và chỉnh lý hồ sơ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp sau rà soát đất lâm nghiệp; hướng dẫn các huyện, thành phố thực hiện chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính về giao đất, giao rừng, xây dựng kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp (*trong đất chưa sử dụng*) hàng năm nhằm cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất chung của các huyện, thành phố và tỉnh Sơn La theo quy định của pháp luật.

**3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính và các sở ngành:** Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng các cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của ngành, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức hỗ trợ, bồi thường khi chuyển loại rừng để thực hiện quy hoạch tỉnh.

**4. UBND các huyện, thành phố** triển khai thực hiện các nội dung sau rà soát đất lâm nghiệp được phê duyệt, chỉ đạo việc cập nhật biến động rừng và đất lâm nghiệp hàng năm trên địa bàn, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính đối với chủ rừng là hộ gia đình cá nhân, cộng đồng theo quy định của pháp luật. Thực



hiện và tăng cường công tác quản lý nhà nước trong công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và lồng ghép các chương và dự án về lâm nghiệp; quản lý chặt chẽ các diện tích rừng trước khi thực hiện các thủ tục chuyển đổi theo quy định của pháp luật.

**5.** Các chủ rừng căn cứ vào Kết quả rà soát đất lâm nghiệp được phê duyệt, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng theo phạm vi đất lâm nghiệp trong kỳ đã rà soát. Tiếp tục quản lý chặt chẽ các diện tích rừng trước khi thực hiện các thủ tục chuyển đổi theo quy định của pháp luật. Xây dựng phương án chuyển đổi rừng, hoàn thiện hồ sơ đất đai theo quy định.

**Điều 3.** Thống nhất sử dụng kết quả rà soát đất lâm nghiệp tích hợp đồng bộ vào Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở quản lý, sử dụng vào xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển lâm nghiệp của địa phương. Định kỳ hàng năm thực hiện cập nhật rà soát diện tích đất lâm nghiệp đưa vào sử dụng tích hợp vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định của Luật Đất đai.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban dân nhân Tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, Phú 15b

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Công**

**PHỤ LỤC I:**  
**DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030 CẤP XÃ**

**BIỂU 1: DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN BẮC YÊN**  
(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: ha

TT	Xã	Đất lâm nghiệp	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất
	<b>Tổng huyện</b>	<b>53.516,0</b>	<b>7.808,6</b>	<b>25.624,6</b>	<b>20.082,8</b>
1	Chim Vàn	2.831,9		2.239,3	592,6
2	Chiềng Sại	3.885,8		3.238,1	647,7
3	Háng Đồng	9.257,6	7.808,6	1.158,2	290,8
4	Hang Chú	9.457,8		5.900,0	3.557,8
5	Hồng Ngải	2.763,2		1.603,9	1.159,3
6	Hua Nhân	2.963,3		1.432,9	1.530,4
7	Làng Châu	2.054,9		925,2	1.129,7
8	Mường Khoa	2.996,1		73,9	2.922,2
9	Pắc Ngà	3.109,6		2.723,2	386,4
10	Phiêng Ban	1.628,9			1.628,9
11	Phiêng Côn	1.781,6		797,3	984,3
12	Song Pe	2.148,8		494,4	1.654,4
13	Tà Xùa	1.101,9		359,8	742,1
14	Tạ Khoa	2.355,7		938,8	1.416,9
15	TT Bắc Yên	207,2		118,2	89,0
16	Xím Vàng	4.971,7		3.621,4	1.350,3

**BIỂU 2: DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN MAI SƠN***(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La)*

Đơn vị: ha

<b>TT</b>	<b>Xã</b>	<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>Đất rừng đặc dụng</b>	<b>Đất rừng phòng hộ</b>	<b>Đất rừng sản xuất</b>
	<b>Tổng huyện</b>	<b>51.447,8</b>	<b>0,0</b>	<b>24.520,2</b>	<b>26.927,6</b>
1	Chiềng Ban	921,5		112,7	808,8
2	Chiềng Chăn	1.579,4		1.229,3	350,1
3	Chiềng Chung	4.058,2		1.506,5	2.551,7
4	Chiềng Dong	1.218,9		804,0	414,9
5	Chiềng Kheo	1.309,8		643,5	666,3
6	Chiềng Lương	4.831,5		1.979,5	2.852,0
7	Chiềng Mai	697,5		372,3	325,2
8	Chiềng Mung	277,4		25,4	252,0
9	Chiềng Nọi	5.866,4		2.540,5	3.325,9
10	Chiềng Sung	1.071,0		527,9	543,1
11	Chiềng Ve	1.962,9		340,0	1.622,9
12	Cò Nòi	1.121,9		91,1	1.030,8
13	Hát Lót	1.034,4		284,1	750,3
14	Mường Bằng	2.244,1		1.658,2	585,9
15	Mường Bon	680,2		54,9	625,3
16	Mường Chanh	1.588,5		1.237,4	351,1
17	Nà Bó	1.209,2		237,2	972,0
18	Nà Ớt	4.848,2		2.366,7	2.481,5
19	Phiêng Cầm	6.778,2		3.276,2	3.502,0
20	Phiêng Păn	5.163,7		3.483,2	1.680,5
21	Tà Hộc	2.661,4		1.509,7	1.151,7
22	Thị Trấn Hát Lót	323,5		239,9	83,6

**BIỂU 3: DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN MỘC CHÂU**  
(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: ha

TT	Xã	Đất lâm nghiệp	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất
	<b>Tổng huyện</b>	<b>54.274,8</b>	<b>2.744,7</b>	<b>23.771,5</b>	<b>27.758,6</b>
1	Đông Sang	2.667,6		1.629,5	1.038,1
2	Chiềng Hắc	5.021,1		1.238,6	3.782,5
3	Chiềng Khừa	5.888,9		2.401,8	3.487,1
4	Chiềng Sơn	5.386,9	2.744,7	1.290,0	1.352,2
5	Hua Păng	3.068,1		684,3	2.383,8
6	Lóng Sập	7.538,2		4.546,3	2.991,9
7	Mường Sang	5.539,8		3.841,3	1.698,5
8	Nà Mường	1.587,9		739,8	848,1
9	Phiêng Luông	1.601,4		108,2	1.493,2
10	Quy Hương	2.836,4		767,6	2.068,8
11	Tân Hợp	3.796,4		939,6	2.856,8
12	Tân Lập	4.451,9		2.303,0	2.148,9
13	Tà Lại	1.019,9		674,7	345,2
14	TT Mộc Châu	386,5		207,6	178,9
15	TTNT Mộc Châu	3.483,8		2.399,2	1.084,6

**BIỂU 4: DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN MƯỜNG LA**  
(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: ha

TT	Xã	Đất lâm nghiệp	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất
	<b>Tổng huyện</b>	<b>73.180,2</b>	<b>18.811,0</b>	<b>38.943,3</b>	<b>15.425,9</b>
1	Chiềng Ân	4.914,3		4.775,4	138,9
2	Chiềng Công	8.009,3		7.224,4	784,9
3	Chiềng Hoa	1.892,6		1.060,5	832,1
4	Chiềng Lao	5.055,8		3.280,3	1.775,5
5	Chiềng Muôn	6.276,5		6.017,1	259,4
6	Chiềng San	1.700,2		1.419,8	280,4
7	Hua Trai	6.972,2	6.171,8	581,2	219,2
8	Mường Bú	2.614,3		303,2	2.311,1
9	Mường Chùm	1.064,3			1.064,3
10	Mường Trai	2.008,1		1.375,9	632,2
11	Nậm Giôn	4.860,2		1.921,6	2.938,6
12	Nậm Pấm	7.015,8	4.821,7	2.009,2	184,9
13	Ngọc Chiến	16.208,5	7.817,5	7.511,3	879,7
14	Pi Toong	1.355,2		948,6	406,6
15	Tạ Bú	2.288,5		163,0	2.125,5
16	TT. Ít Ong	944,4		351,8	592,6

**BIỂU 5: DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN PHÙ YÊN**  
(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: ha

TT	Xã	Đất lâm nghiệp	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất
	<b>Tổng huyện</b>	<b>65.848,2</b>	<b>9.759,4</b>	<b>29.326,3</b>	<b>26.762,5</b>
1	Đá Đỏ	1.593,5		488,1	1.105,4
2	Bắc Phong	791,1		441,6	349,5
3	Gia Phù	1.198,5	263,1	3,2	932,2
4	Huy Bắc	1.608,4		916,5	691,9
5	Huy Hạ	1.125,8			1.125,8
6	Huy Tân	1.073,9		146,0	927,9
7	Huy Tường	1.165,1		4,8	1.160,3
8	Huy Thượng	484,9			484,9
9	Kim Bon	1.175,6			1.175,6
10	Mường Bang	8.284,5		7.395,6	888,9
11	Mường Cơi	2.931,2		721,0	2.210,2
12	Mường Do	6.845,1		5.493,5	1.351,6
13	Mường Lang	3.499,4		2.293,4	1.206,0
14	Mường Thái	4.809,5	2.773,1	875,0	1.161,4
15	Nam Phong	3.554,1		3.210,4	343,7
16	Quang Huy	1.927,7		870,1	1.057,6
17	Sập Xa	951,6			951,6
18	Suối Bau	925,8	4,4		921,4
19	Suối Tọ	9.746,0	6.718,8	1.809,3	1.217,9
20	Tân Lang	3.558,6		384,9	3.173,7
21	Tân Phong	1.601,0		894,7	706,3
22	Tường Hạ	826,1		198,2	627,9
23	Tường Phù	471,2			471,2
24	Tường Phong	3.087,4		1.977,7	1.109,7
25	Tường Thượng	724,7		412,4	312,3
26	Tường Tiến	1.882,8		789,9	1.092,9
27	Thị trấn Phù Yên	4,7			4,7

**BIỂU 6: DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN QUỲNH NHAI**  
(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: ha

TT	Xã	Đất lâm nghiệp	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất
	<b>Tổng huyện</b>	<b>56.689,2</b>	<b>0,0</b>	<b>40.318,7</b>	<b>16.370,5</b>
1	Cà Nàng	12.474,5		8.706,2	3.768,3
2	Chiềng Ôn	4.295,7		3.481,4	814,3
3	Chiềng Bằng	1.134,9		666,2	468,7
4	Chiềng Khay	6.989,5		3.714,9	3.274,6
5	Chiềng Khoang	1.891,4		1.230,4	661,0
6	Mường Chiên	5.161,7		4.603,3	558,4
7	Mường Giôn	10.617,0		5.661,0	4.956,0
8	Mường Giàng	3.014,2		2.860,1	154,1
9	Mường Sại	2.296,9		2.057,2	239,7
10	Nậm É	2.610,4		2.346,0	264,4
11	Pá Ma Pha Khinh	6.203,0		4.992,0	1.211,0

**BIỂU 7: DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN SÔNG MÃ**  
(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: ha

TT	Xã	Đất lâm nghiệp	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất
	<b>Tổng huyện</b>	<b>60.403,5</b>	<b>10.306,6</b>	<b>24.713,9</b>	<b>25.383,0</b>
1	Đứa Mòn	4.086,6		2.449,4	1.637,2
2	Bó Sinh	1.619,2		1.083,3	535,9
3	Chiềng Cang	3.773,5		1.485,9	2.287,6
4	Chiềng En	2.066,3		641,6	1.424,7
5	Chiềng Khương	2.577,2		1.186,5	1.390,7
6	Chiềng Khoong	3.039,6		1.352,0	1.687,6
7	Chiềng Phung	3.844,7		2.774,8	1.069,9
8	Chiềng Sơ	1.917,9		956,9	961,0
9	Huổi Một	7.398,4	4.893,7	851,8	1.652,9
10	Mường Cai	7.719,9	2.624,8	3.257,8	1.837,3
11	Mường Hung	3.025,6		1.398,9	1.626,7
12	Mường Lầm	611,1		221,0	390,1
13	Mường Sai	2.046,9		589,0	1.457,9
14	Nà Nghịu	2.793,7		1.110,4	1.683,3
15	Nậm Mần	5.760,3	2.788,1	1.424,0	1.548,2
16	Nậm Ty	4.104,0		2.214,2	1.889,8
17	Pú Bấu	431,8		345,6	86,2
18	TT Sông Mã	108,4		81,5	26,9
19	Yên Hưng	3.478,4		1.289,3	2.189,1

**BIỂU 8: DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN SÓP CỘP**



(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: ha

TT	Xã	Đất lâm nghiệp	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất
	<b>Tổng huyện</b>	<b>98.053,3</b>	<b>7.261,1</b>	<b>42.255,4</b>	<b>48.536,8</b>
1	Dòm Cang	5.521,6	1.317,9	284,8	3.918,9
2	Mường Lạn	15.548,3		11.636,0	3.912,3
3	Mường Lèo	28.887,0		12.258,0	16.629,0
4	Mường Và	17.815,1		7.983,1	9.832,0
5	Nậm Lạnh	10.591,6		5.316,4	5.275,2
6	Púng Bánh	10.434,7	3.919,7	1.214,8	5.300,2
7	Sam Kha	6.769,8		3.369,0	3.400,8
8	Sốp Cộp	2.485,2	2.023,5	193,3	268,4

**BIỂU 9: DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN THUẬN CHÂU**  
(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: ha

TT	Xã	Đất lâm nghiệp	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất
	<b>Tổng huyện</b>	<b>74.159,1</b>	<b>16.238,7</b>	<b>37.044,0</b>	<b>20.876,4</b>
1	Bản Lầm	3.423,4		2.535,4	888,0
2	Bó Mười	1.645,4		756,4	889,0
3	Bon Phặng	1.228,2		693,2	535,0
4	Chiềng Bôm	6.939,0	5.583,2	285,6	1.070,2
5	Chiềng La	1.146,3		908,6	237,7
6	Chiềng Ly	1.115,6		756,4	359,2
7	Chiềng Ngâm	2.209,8		1.075,6	1.134,2
8	Chiềng Pác	1.199,7		833,9	365,8
9	Chiềng Pha	969,9		543,5	426,4
10	Co Mạ	9.535,9	8.359,6	552,6	623,7
11	Co Tòng	617,0		119,4	497,6
12	É Tòng	2.078,7		1.883,4	195,3
13	Liệp Tè	2.540,2		1.875,5	664,7
14	Long Hẹ	6.563,4	2.295,9	2.300,6	1.966,9
15	Mường Bám	2.797,0		2.204,3	592,7
16	Mường É	4.162,9		2.294,0	1.868,9
17	Mường Khiêng	2.477,6		1.428,0	1.049,6
18	Muối Nội	1.379,3		1.120,8	258,5
19	Nậm Lầu	8.934,8		5.969,3	2.965,5
20	Nong Lay	609,4		217,2	392,2
21	Pá Lông	546,4			546,4
22	Phông Lặng	807,4		503,1	304,3
23	Phông Lái	5.597,1		5.520,6	76,5
24	Phông Lập	1.845,8		830,2	1.015,6
25	Púng Tra	1.189,7		891,5	298,2
26	T.T Thuận Châu	3,6			3,6
27	Tông Lạnh	1.075,0		316,7	758,3
28	Thôm Mòn	571,2		394,6	176,6
29	Tông Cọ	949,4		233,6	715,8

**BIỂU 10: DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030 THÀNH PHỐ SƠN LA**  
(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: ha

TT	Xã/Phường	Đất lâm nghiệp	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất
	<b>Tổng huyện</b>	<b>10.898,8</b>	<b>40,9</b>	<b>7.536,1</b>	<b>3.321,8</b>
1	Chiềng Đen	2.502,0		1.559,3	942,7
2	Chiềng An	776,1		618,1	158,0
3	Chiềng Cơi	401,9		295,6	106,3
4	Chiềng Cọ	1.606,8		1.312,0	294,8
5	Chiềng Lè	82,2	15,8	64,3	2,1
6	Chiềng Ngần	1.239,7		803,1	436,6
7	Chiềng Sinh	485,2	25,1	287,6	172,5
8	Chiềng Xôm	2.650,1		1.908,3	741,8
9	Hua La	874,3		432,0	442,3
10	Quyết Tâm	79,4		70,7	8,7
11	Quyết Thắng	159,2		153,4	5,8
12	Tô Hiệu	41,9		31,7	10,2

**BIỂU 11: DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN VÂN HỒ**  
(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: ha

TT	Xã	Đất lâm nghiệp	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất
	<b>Tổng huyện</b>	<b>56.659,2</b>	<b>15.428,3</b>	<b>14.338,1</b>	<b>26.892,8</b>
1	Chiềng Khoa	1.766,2		497,9	1.268,3
2	Chiềng Xuân	5.362,2	3.453,2	476,5	1.432,5
3	Chiềng Yên	6.000,0		865,3	5.134,7
4	Lóng Luông	2.557,8		515,8	2.042,0
5	Liên Hòa	1.890,3		487,6	1.402,7
6	Mường Men	2.477,9		1.069,0	1.408,9
7	Mường Tè	2.300,0		729,6	1.570,4
8	Quang Minh	3.906,3		2.164,0	1.742,3
9	Song Khùa	2.316,6		584,4	1.732,2
10	Suối Bàng	4.403,3		2.923,7	1.479,6
11	Tô Múa	1.938,7		1.084,3	854,4
12	Tân Xuân	12.787,8	10.578,7	521,7	1.687,4
13	TT Vân Hồ	2.563,1		1.271,2	1.291,9
14	Xuân Nha	6.389,0	1.396,4	1.147,1	3.845,5

**BIỂU 12: DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN YÊN CHÂU**  
(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: ha

TT	Xã	Đất lâm nghiệp	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất
	<b>Tổng huyện</b>	<b>41.742,4</b>	<b>0,0</b>	<b>26.246,6</b>	<b>15.495,8</b>
1	Chiềng Sàng	587,3			587,3
2	Chiềng Đông	3.240,3		1.447,3	1.793,0
3	Chiềng Hặc	4.922,6		3.499,6	1.423,0
4	Chiềng Khoi	1.680,3		1.317,7	362,6
5	Chiềng On	3.027,8		1.979,1	1.048,7
6	Chiềng Pả	2.193,7		919,6	1.274,1
7	Chiềng Tương	3.271,7		3.082,2	189,5
8	Lóng Phiêng	4.180,3		1.925,9	2.254,4
9	Mường Lựm	3.175,4		3.099,1	76,3
10	Phiêng Khoài	3.958,7		2.016,0	1.942,7
11	Sấp Vạt	3.075,7		2.085,9	989,8
12	Tú Nang	4.884,6		3.178,4	1.706,2
13	TT Yên Châu	19,4			19,4
14	Viêng Lán	1.833,2		841,3	991,9
15	Yên Sơn	1.691,4		854,5	836,9

**PHỤ LỤC II: DANH MỤC DỰ ÁN**

(Kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

**I. Huyện Bắc Yên:**

**1. Danh mục các dự án có ranh giới bản đồ sử dụng đất lâm nghiệp**

STT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)											
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất			
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT
<b>Tổng huyện</b>		<b>2.537,8</b>	<b>626,4</b>	<b>418,2</b>	<b>0,1</b>	<b>208,2</b>	<b>26,6</b>	<b>12,9</b>	<b>13,7</b>	<b>1.884,8</b>	<b>1.262,2</b>	<b>6,1</b>	<b>616,4</b>	
1	Đường 112	3,1	2,9	0,2	2,8					0,1			0,1	
2	Đường 279D	0,5								0,5	0,5			
3	Đường giao thông trục chính bản Suối Thôn	0,1								0,1			0,1	
4	Đường nội thị trấn Bắc Yên	3,7								3,7			3,7	
5	Bản tăng(vạn sai) xã Chiềng Sại, Bắc Yên	5,8	5,8	5,8										
6	Công trình cải tạo nâng cấp tuyến đường nội QL 37 H Bắc Yên và QL 279D H Mường La	2,1								2,1	0,3		1,8	
7	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Hồng Kông thuê để xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Chim 2	77,5	1,4		1,4					76,1			76,1	
8	Công ty cổ phần Cao Đa - Sơn La thuê	2,5								2,5	1,0	0,3	1,2	
9	Công ty cổ phần năng lượng Sông Lam thuê để xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Chìm 1B	1,9								1,9			1,9	
10	Cho công ty CP thủy điện Xím Vàng thuê để xây dựng nhà máy thủy điện Xím Vàng 2	0,6	0,3		0,3					0,4			0,4	
11	Dự án 1474	0,1	0,1		0,1					0,1			0,1	
12	Dự án du lịch cộng đồng Bản Bẹ	1,5								1,5			1,5	
13	Dự án du lịch cộng đồng bản Trô A	4,3								4,3		3,5	0,8	
14	Mỏ đá bản Hồng ngài xã Hồng Ngài	6,2	2,5	2,5						3,7	2,6		1,1	
15	Mỏ đá khu 2 bản Hồng ngài xã Hồng Ngài	3,7								3,7			3,7	
16	Mỏ đồng bản ngậm, xã Song Pe, huyện Bắc Yên	30,9								30,9	29,2		1,6	
17	Mỏ đất sau khu bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên	0,2								0,2			0,2	
18	Mỏ bản Hồng ngài xã Hồng Ngài	1,5								1,5	0,7		0,7	
19	Mỏ Niken Bắc Yên Mở rộng	856,5								856,5	786,8		69,6	



STT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)													
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất					
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT		
47	Thủy điện Tích Năng	22,4	11,0	10,5		0,5							11,4	8,9		2,4
48	Thủy điện Xím Vàng 3, xã Chim Vàng, huyện Bắc Yên	2,1	2,1			2,1										
49	Thủy điện Xím Vàng 3	0,6	0,6			0,58										
50	Thu hồi đất để cải tạo, nâng cấp đường nối quốc lộ 37 (H. Bắc Yên) với quốc lộ 2	0,2	0,1			0,1							0,1			0,1
51	Trang trại nông nghiệp sinh thái kết hợp với du lịch tại xã Xím Vàng, huyện Bắc Yên	40,1	40,1	6,7		33,4										
52	Trận địa súng máy phòng không 12,7mm	1,1											1,1	0,8		0,3
53	Trụ điện Huổi Quảng Nghĩa Lộ	1,0	0,5	0,33	0,1	0,1							0,5	0,4		0,1
54	Trụ sở công an xã Chiềng Sài	0,01	0,01			0,01										
55	Trụ sở công an xã Làng Châu	0,1											0,1			0,1
56	Trụ sở công an xã Tạ Khoa	0,2											0,2			0,2
57	Trụ sở Hạt kiểm lâm	0,6											0,6			0,6
58	Vùng dự án NMDG Hồng Ngài	735,0	93,9	52,6		41,4							641,1	259,9	1,4	379,8
59	Vùng dự án NMDG Tà Xùa	458,6	410,7	321,0		89,7							47,9	16,3		31,7

## 2. Danh mục các dự án định hướng và các dự án nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng theo QĐ.3248

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
1	Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam thuê	Dự án khác	
2	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng nguy cơ gây trượt, sạt lở đất đá bản Ngâm, xã Song Pe	Dự án khác	
3	Đầu tư chợ xã Song Pe	Công trình VH - YT - GD	
4	Đầu tư xây dựng trạm y tế Thị trấn Bắc Yên	Công trình VH - YT - GD	
5	Dự án thủy điện Hang Chú (Nằm Chim A)	Thủy điện	
6	Khu đô thị mới Thị trấn Bắc Yên	Dự án khác	
7	Mỏ niken - đồng xã Hồng Ngài	Khoáng sản	
8	Mỏ niken - đồng xã Tạ Khoa	Khoáng sản	
9	Mỏ niken - đồng xã Song Pe	Khoáng sản	
10	Mỏ sericit bản Mống Vàng (bản Tà Xùa), xã Tà Xùa	Khoáng sản	



Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
11	Mỏ sericit bản Suối Lành, xã Hang Chú	Khoáng sản	
12	Cụm công nghiệp Phiêng Ban	Công nghiệp	
13	Điểm du lịch Sóng lưng Khùng long	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
14	Dự án cấp nước đô thị thị trấn Bắc Yên	Cấp nước	
15	Dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi bò thịt tập trung	Nông nghiệp	
16	Dự án xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm chè Shan tuyết đặc sản Tà Xùa	Nông nghiệp	
17	Dự án xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm quả mận hậu	Nông nghiệp	
18	Dự án xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Nông nghiệp	
19	Khu dân cư mới (nhà khách UBND huyện cũ)	Dân cư	
20	Khu dân cư mới thị trấn Bắc Yên	Dân cư	
21	Khu du lịch đồi Pu Nhi	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
22	Khu du lịch Hang A Phủ	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
23	Khu du lịch Hồ Sen Hua Nhàn	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
24	Khu du lịch sinh thái Tà Xùa	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
25	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Háng Đồng C, bản Làng Sáng	Dân cư	
26	Dự án du lịch tại xã Tà Xùa và vùng phụ cận	Du lịch	
27	Dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi bò thịt tập trung	Nông nghiệp	
28	Dự án trồng và chế biến cây dược liệu dưới tán rừng	Nông nghiệp	
29	Dự án phát triển vùng nguyên liệu, chế biến cây lấy gỗ, tre măng	Nông nghiệp	
30	Dự án cấp nước đô thị thị trấn Bắc Yên	Nước sinh hoạt	
31	Dự án điện gió Thiên Vũ Bắc Yên	Năng lượng	
32	Dự án điện gió Háng Đồng	Năng lượng	
33	Dự án điện gió Bắc Yên 1	Năng lượng	
34	Dự án điện gió Bắc Yên 2	Năng lượng	

## II. Huyện Mai Sơn:

### 1. Danh mục các dự án có ranh giới bản đồ sử dụng đất lâm nghiệp

STT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)											
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất			
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT
<b>Tổng huyện</b>		<b>344,6</b>	<b>32,7</b>	<b>1,5</b>		<b>31,2</b>				<b>311,9</b>	<b>221,2</b>	<b>15,2</b>	<b>75,6</b>	
1	Đá xây dựng Khu 2 Bản Lếch xã Còi Nòi	3,1								3,1	2,4		0,6	
2	Đường giao thông xã Chiềng Dong đến xã Phiêng Cầm, huyện Mai Sơn	6,3	5,7			5,7				0,6			0,6	
3	Công ty cổ phần chăn nuôi Minh Thụy	201,6								201,6	174,3		27,4	
4	Di chuyển đường dây 110kv, 35kv mạch kép đoạn bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La-TBA 110kv Chiềng Sinh	0,03								0,03			0,03	
5	Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Kim Thành thuê để sản xuất kinh doanh vật liê	0,1								0,1			0,1	
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình CH-02	2,4	0,6	0,5		0,0				1,9	0,9		1,0	
7	Dự án đường Mường Chanh (Bản Hịa) đến trung tâm xã Chiềng Nọi	29,6	23,6			23,6				6,1			6,1	
8	Dự án hệ thống kênh mương hệ thống thủy lợi Nà Sản tỉnh Sơn La	0,2								0,2			0,2	
9	Dự án tôn tạo, bảo tồn khu DTLs cây Me, nơi thành lập Chi bộ đầu tiên tỉnh Sơn La	1,0	1,0	1,0										
10	Dự án trồng cây dược liệu dưới tán rừng tại bản Sam Ta, bản ít Hò xã Chiềng Chung	10,3								10,3	4,9		5,4	
11	Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án hệ thống thủy lợi Nà Sản huyện Mai Sơn	5,3								5,3	0,4		4,9	
12	Khu di tích lịch sử ngã ba Còi Nòi	2,5								2,5		0,3	2,2	
13	Khu TDC di tích lịch sử ngã ba Còi Nòi, huyện Mai Sơn	0,4								0,4			0,4	
14	Mỏ đá vôi bản Huổi Búng xã Hát Lót	1,1								1,1	1,1			
15	Mỏ đá vôi Bản Noong Tàu Thái (Cty Huyện Luyên)	13,4								13,4	13,4			
16	Mỏ đá vôi Nà Phát, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn	14,3								14,3	5,7		8,6	
17	Mỏ đá vôi tại khu 3 bản Mé Lếch	4,0								4,0	2,7		1,3	
18	Mỏ đất khu vực bản Còi Nòi, Xã Còi Nòi (Đỉnh dốc Chiềng Đông)	1,8								1,8			1,8	
19	Mỏ đất san lấp Tiểu khu 10 TT Hát Lót	4,2								4,2			4,2	
20	Mỏ đất san lấp TK 15, TK 16	0,2								0,2			0,2	
21	Mỏ sắt Tu Rúc thuộc bản Tu Lúc, xã Phiêng Păn, huyện Mai Sơn	15,9								15,9	15,4		0,6	
22	Thủy điện Huổi Sai xã Chiềng Păn, H. Mai Sơn; xã Mường Sai, H. Sông Mã	1,9	1,9			1,9								
23	Trường bản cơ bản Quế Sơn	25,1								25,1		14,9	10,2	

### 2. Danh mục các dự án định hướng (chưa có bản đồ cụ thể)

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
1	Công ty TNHH sản xuất vật liệu và xây dựng Hùng An Mai thuê đất để thực hiện dự án khai thác đá	Thủy điện, năng lượng	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
2	Đá xây dựng bản Toong Chinh xã Chiềng Ban	Khoáng sản	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
3	Điểm mỏ đá vôi bản Vực Bon	Khoáng sản	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
4	Dự án chưa xác định tên	Dự án khác	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
5	Dự án hệ thống kênh mương, hệ thống thủy lợi Nà Sin	Thủy điện, năng lượng	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
6	Mỏ cát kết Bản Lếch	Khoáng sản	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
7	Thu hồi 1 phần đất của cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La để cho công ty khoáng sản thuê	Khoáng sản	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
8	Thủy điện Nậm Ty, xã Nậm Ty, huyện Sông Mã	Thủy điện, năng lượng	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
9	Tỉnh lộ 113	Giao thông	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
10	Tuyến đường tránh thành phố	Giao thông	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
11	Dự án điện gió Mai Sơn	Điện gió	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
12	Dự án điện gió Mai Sơn 2	Điện gió	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
13	Mỏ niken - đồng xã Tà Hộc	Khoáng sản	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
14	Bệnh viện chất lượng cao	Y tế	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
15	Các dự án đầu tư vào khu công nghiệp	Công nghiệp	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
16	Chợ đầu mối nông sản	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
17	Cơ sở chế biến cà phê	Nông nghiệp	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
18	Cửa hàng xăng dầu	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
19	Cụm Công nghiệp Cò Nồi	Công nghiệp	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
20	Cụm công nghiệp Mường Bon	Công nghiệp	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
21	Dự án Khu vui chơi giải trí và du lịch sinh thái Hồ Tiên Phong	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
22	Dự án nông nghiệp công nghệ cao	Nông nghiệp	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
23	Khu đô thị phía Tây Thị trấn Hát Lót	Dân cư	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
24	Khu đô thị số 1 - Tiểu khu 1,2	Dân cư	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
25	Khu đô thị số 2 - Tiểu khu 1, 2	Dân cư	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
26	Khu đô thị số 3 - Tiểu khu 8	Dân cư	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
27	Khu đô thị Tiên Phong 1, xã Hát Lót	Dân cư	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
28	Khu đô thị tiểu khu IV(Trung tâm hành chính cũ)	Dân cư	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
29	Nhà máy may	Công nghiệp	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn

<b>Stt</b>	<b>Tên dự án (theo TL thu thập)</b>	<b>Loại dự án</b>	<b>Ghi chú</b>
30	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, tái chế rác thải theo công nghệ hiện đại	Môi trường	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
31	Phát triển dược liệu dưới tán rừng	Nông nghiệp	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
32	Sơ chế, bảo quản nông sản	Nông nghiệp	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
33	Thu hút 05 điểm trải nghiệm nông nghiệp tại 8 xã	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
34	Thu hút nguồn vốn ngoài xã hội lồng ghép đầu tư Khu di tích lịch sử Ngã ba Cờ Nồi	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
35	Trung tâm Logistic	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
36	Trung tâm thương mại	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
37	Trung tâm thương mại Mai Sơn	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
38	Trường dạy nghề chất lượng cao	Giáo dục	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
39	Trường Mầm non tư thục, trường Tiểu học, Trung học cơ sở dọc Quốc lộ 6	Giáo dục	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
40	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Nông nghiệp	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn
41	Xây dựng mô hình bản du lịch cộng đồng	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Danh mục các dự án định hướng giai đoạn

### III. Huyện Mộc Châu:

#### 1. Danh mục các dự án có ranh giới bản đồ sử dụng đất lâm nghiệp

STT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)											
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất			
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT
	<b>Tổng huyện</b>	<b>715,7</b>	<b>129,2</b>	<b>79,9</b>	<b>0,3</b>	<b>49,0</b>					<b>586,5</b>	<b>337,1</b>	<b>21,2</b>	<b>228,2</b>
1	Đá xây dựng Pá Phang xã Chiềng Hắc	1,3									1,3	1,3		
2	Đường CT Hòa Bình - Mộc Châu	1,5									1,5	1,5		
3	Đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu	1,0									1,0			1,0
4	Đất bãi rác	0,6									0,6			0,6
5	Bản đồ khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích đồn Pa Lay	45,2									45,2	43,3		1,9
6	Bãi rác Tân Lập	0,7									0,7			0,7
7	Cát xây dựng tiểu khu Bó Bun TT Nông Trường Mộc Châu	1,2									1,2			1,2
8	Công ty CP vật liệu xây dựng 1 Sơn La thuê đất làm nhà máy sản xuất gạch nung	0,2									0,2			0,2
9	Công ty TNHH phát triển quốc tế Phụng Hoàng Mộc Châu thuê	10,8									10,8		7,0	3,9
10	Công viên thung lũng hoa rừng	2,2									2,2	0,4		1,8
11	Cửa hàng xăng dầu Hua Păng	0,1									0,1		0,0	0,1
12	Cụm công nghiệp	0,8									0,8			0,8
13	Di tích lịch sử bia cấm thù thị trấn Mộc Châu	0,01									0,01			0,01
14	Dự án đầu tư xây dựng điểm du lịch Mộc Châu ISLAND (trước đây là điểm du lịch GR)	2,0	2,0	2,0										
15	Dự án đường giao thông liên xã Bản Khừa-Suối Đon, xã Chiềng Khừa đến bản Pha Đón, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu	8,5	1,0			1,0					7,4	0,3		7,1
16	Dự án khu chôn lấp, xử lý rác thải vô cơ và trạm chung chuyên xã Tân Lập	0,6									0,6			0,6
17	Dự án khu dân cư mới (khu vực 2.5,2.6,2.10) tại xã Phiêng Luông huyện Mộc Châu và xã Chiềng Khoa huyện Mộc Châu thuộc khu du lịch quốc gia Mộc Châu	18,9	9,4	4,9		4,5					9,5	0,0		9,4
18	Du lịch Pu Che Luông	0,9									0,9	0,9		
19	Giao cho trường đại học Tây Bắc thực hiện dự án trung tâm nghiên cứu khoa học	0,2	0,2			0,2								
20	Khoáng sản Tiểu khu 19/5	0,4									0,4			0,4
21	Khu đô thị sinh thái kiểu mẫu Mộc Châu	1,8									1,8	0,2	0,5	1,2
22	Khu động Ngũ Bàn ôn	142,6									142,6	112,2		30,5
23	Khu biệt thự và sân Golf 99,8 ha	43,7									43,7	25,5	1,7	16,5
24	Khu dân cư bản Bua	1,3									1,3	0,5		0,8
25	Khu dân cư dịch vụ sân Golf	0,9									0,9	0,3		0,6

STT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)											
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất			
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT
26	Khu dân cư mới kết hợp với du lịch sinh thái tiểu khu 19/5	2,7	2,7			2,7								
27	Khu dân cư phố núi biệt thự sinh thái 89 ha	21,9								21,9	0,2	0,6	21,2	
28	Khu dân cư số 7	3,5								3,5		3,5		
29	Khu dân cư sinh thái kết hợp du lịch bền vững bản Pa Phách	2,0	2,0	0,3		1,7								
30	Khu dân cư và du lịch (khu 3.0 và 5.0)	1,9								1,9	1,3		0,5	
31	Khu du lịch cộng đồng Bản áng	0,5								0,5			0,5	
32	Khu du lịch rừng thông Bản áng	0,8								0,8	0,5	0,2	0,1	
33	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng mặt trời mọc	8,3								8,3			8,3	
34	Khu du lịch văn hóa tâm linh Mộc Châu	5,7								5,7	1,2		4,4	
35	Khu du lịch, văn hóa, nghỉ dưỡng Đông Sang	80,8	5,0	2,2		2,8				75,8	54,4		21,4	
36	Khu nhà ở thương mại, dịch vụ và khu KS ngã ba QL6-QL43	11,5								11,5	1,0		10,4	
37	Khu phố núi biệt thự sinh thái 89 ha	2,3								2,3	0,3	0,4	1,5	
38	Khu sinh thái nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí 159,5 ha	4,8								4,8	4,8			
39	Khu sinh thái, biểu diễn văn nghệ và nhà ở	6,4								6,4			6,4	
40	Khu tái định cư đàn bò	2,8								2,8			2,8	
41	Mỏ đá Pa Ken	35,8								35,8	30,8		5,0	
42	Mỏ đá vôi bản Mòn mò 2 Thị trấn Mộc Châu	2,9								2,9	0,1		2,8	
43	Mỏ đá vôi bản Tám Ba, xã Phiêng Luông	3,7								3,7	0,1		3,6	
44	Mỏ đá vôi Tây Hưng Pá Phang xã Chiềng Hắc	5,1								5,1		2,3	2,8	
45	Mỏ đất khu vực cạnh Quốc lộ 43, xã Phiêng Luông	12,8								12,8	0,9		11,9	
46	Mỏ đồng Quy hướng, xã Quy Hướng, huyện Mộc Châu	1,3								1,3	1,3			
47	Mỏ đồng Sao tua, xã Tân Hợp, huyện Mộc Châu	5,3								5,3			5,3	
48	Mỏ đất 19/5	2,1								2,1	2,1			
49	Mỏ đất san lấp KB tiểu khu 19/5, xã Chiềng Sơn	0,5								0,5	0,4		0,1	
50	Mỏ khai thác khoáng sản khu 4 Bó Bun	2,3								2,3	2,2		0,2	
51	Mở rộng mỏ cát sạn tiểu khu Pa Khen	1,1								1,1			1,1	
52	Mộc châu Island	1,8	1,5	0,9		0,6				0,3			0,3	
53	Nghĩa trang huyện	3,2								3,2	1,0	0,3	1,9	
54	Nghĩa trang Phiêng Luông	2,1								2,1	1,9		0,2	
55	Nhà máy thủy điện Mường Sang 3	11,2	2,0	0,4		1,6				9,3	0,1		9,2	

STT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)											
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất			
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT
56	Quy hoạch cửa khẩu Lóng Lập	152,6	96,7	66,7	0,3	29,7					55,9	43,9	4,8	7,2
57	Quy hoạch đường nội thị	0,3	0,0			0,0					0,3	0,3		0,0
58	Thác dải yếm	2,5									2,5	1,9		0,7
59	Thủy điện Chiềng Hắc I tại xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu và xã Tú Nang, H. Yên Châu	1,3									1,3			1,3
60	Thủy điện Suối Khà	6,2	6,2	2,7		3,6								
61	Thủy điện Suối Phiêng xã Tân Lập và xã Tân Hợp huyện Mộc Châu	1,1									1,1			1,1
62	Thu hồi bãi rác khu vực Hùm Bương	1,5									1,5			1,5
63	Trụ sở công an huyện	0,5	0,5			0,5								
64	Trung tâm huấn luyện cơ động bộ đội biên phòng khu vực Tây Bắc	14,6									14,6			14,6
65	Tuyến đường từ quốc lộ 43 đi khu dân cư và khu sản xuất bản Nà Ngà 2	0,8									0,8			0,8

## 2. Danh mục các dự án định hướng (chưa có bản đồ cụ thể)

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
1	Cát Xây dựng Khu 2 tiểu khu Bó Bun TT Nông Trường Mộc Châu	Khoáng sản	
2	Cát Xây dựng Khu 3 tiểu khu Bó Bun TT Nông Trường Mộc Châu	Khoáng sản	
3	Cát Xây dựng Khu 4 tiểu khu Bó Bun TT Nông Trường Mộc Châu	Khoáng sản	
4	Khu vườn thực nghiệm, quả ôn đới và dịch vụ hái quả	Cây ăn quả, cây lâu năm, NNK	
5	Đường Mường Lụm, Yên Châu-Tân Lập, Mộc Châu	Giao thông	
6	Cơ sở bảo quản nông sản (gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học)	Nông nghiệp	
7	Cơ sở chăn nuôi bò thịt	Nông nghiệp	
8	Cơ sở chế biến nông sản	Nông nghiệp	
9	Công viên chủ đề	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
10	Dự án cung cấp nước sạch cho vùng nông thôn	Cấp nước	
11	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước đô thị Chiềng Sơn	Cấp nước	
12	Dự án khách sạn, nhà ở tại lô HH-01, khu TTHC huyện Mộc Châu	Dân cư	
13	Dự án nhà ở tại lô LDV-6, tiểu khu 2, Thị trấn Mộc Châu	Dân cư	
14	Dự án phát triển cây dược liệu (gừng, sa nhân, nghệ, Actisô, bạc hà, giảo cổ lam, xà...) gắn với công nghiệp chế biến	Nông nghiệp	
15	Dự án phát triển vùng nguyên liệu cây lâm nghiệp lấy gỗ, tre	Nông nghiệp	
16	Dự án sản xuất rau an toàn chất lượng cao	Nông nghiệp	

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
17	Dự án trồng cây ăn quả ôn đới chất lượng cao	Nông nghiệp	
18	Dự án trồng nấm cao cấp	Nông nghiệp	
19	Hợp tác phát triển bản văn hoá du lịch cộng đồng bản: Tà Sồ, Dọi, Vật, Áng, Cà Đạc, Tà Phênh, Piềng Sàng, Piềng Lán, tiểu khu Pa Khen	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
20	Khu đào tạo và dịch vụ hỗn hợp	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
21	Khu dịch vụ logistics cửa khẩu Lóng sập	Công nghiệp	
22	Khu trung tâm du lịch sinh thái thị trấn Nông Trường Mộc Châu	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
23	Nhà máy chế biến chè công nghệ cao	Công nghiệp	
24	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi	Công nghiệp	
25	Nhà máy giết mổ và chế biến thực phẩm từ gia súc, gia cầm	Công nghiệp	
26	Phát triển du lịch đỉnh Pha Luông	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
27	Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt tại nông thôn	Nông nghiệp	
28	Tổ hợp Nhà hàng, khách sạn và chăm sóc sức khỏe	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
29	Trung tâm Logistic	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
30	Trung tâm nhân giống cây trồng bằng công nghệ nuôi cấy mô	Nông nghiệp	
31	Trung tâm thương mại Mộc Châu	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
32	Trung tâm trưng bày sản vật và dịch vụ hỗn hợp	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
33	Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa và các công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Nông nghiệp	
34	Xây dựng trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ nông lâm nghiệp Mộc Châu	Nông nghiệp	
35	Xây dựng, khai thác các bến xe khách, xe buýt, bến tàu thủy phục vụ du lịch (sông Đà).	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	
36	Dự án Điện gió Mộc Châu 1	Năng lượng	



#### IV. Huyện Mường La:

##### 1. Danh mục các dự án có ranh giới bản đồ sử dụng đất lâm nghiệp

TT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)											
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất			
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT
	<b>Tổng huyện</b>	<b>1.514,1</b>	<b>310,2</b>	<b>156,8</b>	<b>1,6</b>	<b>151,8</b>	<b>114,2</b>	<b>40,4</b>	<b>73,9</b>	<b>1.089,7</b>	<b>253,7</b>	<b>69,9</b>	<b>766,0</b>	
1	Đường giao thông từ bản Hua Chiến, xã Chiềng Muôn đến đập thủy điện Nậm Chiến, xã Ngọc Chiến	8,8	1,9	0,1		1,9	5,8			5,8	1,1	1,1		
2	Đường giao thông từ bản Lúa đến bản Pa Hát, xã Pi Toong	2,8	0,6			0,6					2,2	0,0		
3	Đường giao thông từ bản Mạo đến bản Nong Hùn, xã Chiềng Công	0,2	0,2			0,2								
4	Công trình thoát lũ phía thượng lưu đập thủy điện Nậm Bú, huyện Mường La	0,2								0,2			0,2	
5	ĐA đường giao thông từ trung tâm xã Chiềng Muôn-xã Chiềng Ân, huyện Mường La	7,8	7,8	5,6	0,0	2,1								
6	ĐA cải tạo, nâng cấp đường nối quốc lộ 37 (H. Bắc Yên) với quốc lộ 2	6,6								6,6	2,6	1,0	3,0	
7	ĐA tái định cư	1.114,8	237,3	123,8	1,6	112,0				877,4	214,5	66,5	596,4	
8	Dự án thủy điện Chiềng Muôn	14,9	5,7	1,1		4,6	2,7			2,7	6,5	0,9	5,7	
9	Mỏ đất Pi Toong	2,6								2,6	1,3		1,3	
10	Mỏ sắt Mường Trai, bản khâu ban + hua mừng, xã MườngTrai, huyện Mường La	3,3								3,3	3,3		0,1	
11	Nhà máy Thủy điện Huổi Quảng	2,8	0,2			0,2				2,6			2,6	
12	Phục hồi thu hồi đất của BQL dự án thủy điện I giao cho UBND huyện Mường La quản lý	2,0	2,0	1,5		0,5								
13	Thủy điện Nậm Trai 3- DNTN Hùng Thủy	39,9					39,9	13,1		26,8				
14	Thủy điện Nậm Khót	37,2					28,0	11,4		16,5	9,2	7,6	1,6	
15	Thủy điện Ngọc Chiến, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	18,8	17,6	0,1		17,5	1,2	1,2						
16	Thủy điện Sơn la	187,8	23,6	20,0		3,5				164,2	15,0		149,2	
17	Thu hồi đất của BQL dự án thủy điện I giao cho UBND huyện Mường La quản lý	12,3	11,3	3,2		8,2				1,0	0,7		0,3	
18	Trích đo địa chính thửa đất, lập hồ sơ địa chính, đăng ký cấp đổi GCN	42,4					34,0	13,7		20,3	8,4	6,5	1,9	
19	Tuyến đường bản Mường Pia – bản Nậm Hồng	2,4	2,2	1,5		0,7				0,3	0,2		0,1	
20	Tuyến đường giao thông bản Phiêng Lờ – bản Lọng Bong	2,8					2,7	0,9		1,8	0,1		0,1	
21	XD khu du lịch nghỉ dưỡng SM Resort	3,7								3,7		2,4	1,3	

## 2. Danh mục các dự án định hướng (chưa có bản đồ cụ thể)

TT	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
1	Đường dây 220KV Huồi Quảng - Nghĩa Lộ, đoạn qua khu vực huyện Mường La	Thủy điện, năng lượng	Không đưa được vào trong bản đồ
2	Đá xây dựng Bản Nang Phai xã Mường Bú (khu 2)	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
3	Lòng hồ thủy điện Nậm Chiên 2 xã Chiềng San	Thủy điện, năng lượng	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
4	Thu hồi đất để cải tạo, nâng cấp đường nối quốc lộ 37 (H. Bắc Yên) với quốc lộ 2	Giao thông	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
5	Thủy điện Ngọc Chiên, xã Ngọc Chiên, huyện Mường La	Thủy điện, năng lượng	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
6	Bãi đỗ xe bên thuyền du lịch xã Mường Trai	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
7	Bản đồ khu tái định cư 4 xã trên địa bàn huyện	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
8	Công trình NSH bản Nà Tạy (nước tự chảy)	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
9	Công trình NSH bản Ten (nước tự chảy)	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
10	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản Mỏ đá	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
11	Dự án cấp nước sinh hoạt xã Pi Toong	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
12	Dự án điện gió Mường La 1	Điện gió	Chưa xác định ranh giới bản đồ
13	Dự án điện gió Mường La 2	Điện gió	Chưa xác định ranh giới bản đồ
14	Dự án phát triển du lịch di tích lịch sử Pom Đôn, xã Mường Trai	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
15	Đường giao thông từ bản Phiêng Lòi đến bản Long Bong, xã Hua Trai	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
16	Đường giao thông xã Mường Bú - xã Mường Chùm (Huyện Mường La) - xã Chiềng Sung (Huyện Mai Sơn) Cải tạo, nâng cấp đường nối Quốc lộ 37 (huyện Bắc Yên) với Quốc lộ 279D (huyện Mường La), tỉnh Sơn La đoạn Km4 94-522 - Km814-200	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
17	Đường Nậm Păm-Ngọc Chiên (Giai đoạn II)	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
18	Đường từ bản Mường Pia (xã Chiềng Hoa) đến bản Nậm Hồng (xã Chiềng Công)	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
19	Thảo trường xã Nậm Păm	Quốc phòng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
20	Thủy điện Nậm Trai 5	Thủy điện	Chưa xác định ranh giới bản đồ
21	Trận địa súng máy phòng không 12,7mm	Quốc phòng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
22	Trang trại chăn nuôi lợn và trồng cây ăn quả	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
23	Dự án Đất nông nghiệp khác	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
24	Trường diễn tập quân sự huyện	Quốc phòng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
25	Tuyến đường dây 110 KV đầu nối cụm thủy điện Chế tạo vào lưới điện Quốc gia	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
26	Cụm công nghiệp Mường La	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
27	Dự án chợ trung tâm Mường La	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ
28	Dự án Khai thác du lịch hang Cong Noong và các điểm du lịch lân cận	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ
29	Dự án khu du lịch tâm linh bản Thẩm Hôn, xã Tạ Bú	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ
30	Dự án nuôi thủy sản và chế biến cá thương phẩm từ hồ thủy điện Sơn La	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
31	Dự án phát triển chăn nuôi bò hữu cơ tập trung	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
32	Dự án phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng hữu cơ tập trung	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
33	Dự án phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng hữu cơ tập trung gắn với du lịch cộng	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ

TT	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
	đồng Ngọc Chiến		
34	Dự án phát triển du lịch cộng đồng Ngọc Chiến, huyện Mường La	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ
35	Dự án phát triển du lịch sinh thái vùng lòng hồ thủy điện Sơn La	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ
36	Dự án phát triển nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện Nậm Chiến	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
37	Dự án phát triển suối khoáng nóng	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ
38	Dự án phát triển vùng trồng Xoài ứng dụng công nghệ cao	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
39	Dự án thu hút đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thức ăn gia súc (ngô sinh khối) phục vụ phát triển chăn nuôi đại gia súc trong nước và xuất khẩu	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
40	Dự án trồng cây ăn quả chất lượng cao	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
41	Dự án trồng cây gai xanh	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
42	Dự án trồng tre, trúc, măng tre bát độ	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
43	Dự án trồng và chế biến các sản phẩm từ cây chuối	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
44	Dự án trồng và chế biến các sản phẩm từ quả Sơn tra	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
45	Dự án trồng, chế biến dược liệu dưới tán rừng	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
46	Khu dân cư mới Hua Nà	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
47	Khu dân cư mới Nà Lo	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
48	Khu dân cư mới Nà Nong	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
49	Khu dân cư mới Nà Tông	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
50	Nhà máy chế biến cá thương phẩm	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
51	Nhà máy chế biến hoa quả Mường La	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
52	Nhà máy chế biến lâm sản (gỗ, cây cao su và các loại gỗ rừng trồng sản xuất)	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
53	Nhà máy chế biến sâu các sản phẩm từ tinh dầu	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
54	Nhà máy chế biến trứng cá tầm gắn với vùng nuôi cá trên lòng hồ thủy điện Sơn La	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
55	Nhà ở khu dân cư huyện Mường La	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
56	Phát triển dược liệu dưới tán rừng xã Ngọc Chiến	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
57	Tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí Ngọc Chiến, huyện Mường La	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ
58	Trường mầm non tư thục Ít Ong	Giáo dục	Chưa xác định ranh giới bản đồ
59	Nhà văn hóa bản Nậm Nghiệp, xã Ngọc Chiến	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
60	Cải tạo nâng cấp đường từ bản Chăm Pông đến cổng chào bản Nậm Nghiệp, xã Ngọc Chiến	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
61	Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai cấp bách bản Tà Sài, xã Chiềng Lao, huyện Mường La	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
62	Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai cấp bách bản Chăm Pông, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
63	Bồi thường giải phóng mặt bằng và xây dựng nghĩa địa tập trung xã Mường Bú	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
64	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai tại bản Lá Mường và bản Huổi Ban, xã Mường Trai	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
65	Đường bán giao thông bản Lọng Cang - Pú Khôn, xã Ngọc Chiến	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
66	Đường giao thông bản Pú Khôn - Nậm Nghiệp, xã Ngọc Chiến	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ

TT	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
67	Đường giao thông bản Phày - Nậm Nghiệp, xã Ngọc Chiến (đoạn nối với đường 109)	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
68	Đường giao thông bản Lọng Bó, xã Chiềng Công - Bản Lâm, xã Hang Chú (huyện Bắc Yên)	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
69	Đường giao thông bản Đinh Lanh - bản Co Sủ Trên, xã Chiềng Công	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
70	Đường giao thông bản Chông Du Tầu - bản Tả Ván, xã Chiềng Công	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
71	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Pá Pù, xã Nậm Giôn	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
72	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Chông Du Tầu, xã Chiềng Công	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
73	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Kho Lao Dưới, xã Chiềng Công	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
74	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Hua Đán, xã Chiềng Muôn	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
75	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Pá Kim, xã Chiềng Muôn	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
76	Bố trí ổn định dân cư vùng lũ thiên tai lũ ống lũ quét bản Pha Xe (Lửa Xe), xã Chiềng Hoa	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
77	Nhà máy xử lý, cấp nước sạch huyện Mường La	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
78	Khu chôn lấp và xử lý chất thải rắn huyện Mường La	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
79	Đường giao thông bản Huổi Ban, xã Mường Trai	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
80	Đường giao thông bản Huổi Ngàn, xã Nậm Giôn	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
81	Đường tỉnh lộ 109 (Nậm Pấm - Ngọc Chiến), huyện Mường La (giai đoạn 3)	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
82	Khu di tích lịch sử cách mạng Lũng Đán Lanh (xã Mường Chùm), huyện Mường La	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ

## V. Huyện Phù Yên:

## 1. Danh mục các dự án có ranh giới bản đồ sử dụng đất lâm nghiệp

TT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)											
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất			
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT
	<b>Tổng huyện</b>	<b>566,1</b>	<b>52,1</b>	<b>16,1</b>	<b>0,0</b>	<b>36,0</b>	<b>57,4</b>	<b>13,8</b>	<b>43,6</b>	<b>456,6</b>	<b>136,0</b>	<b>67,3</b>	<b>253,3</b>	
1	Đá xây dựng Bản Ban Xã huy thượng	3,7								3,7			3,7	
2	Đá xây dựng Bản Diệt xã Tân lang	4,3								4,3	1,08	1,61	1,61	
3	Đá xây dựng Bản Nà Lò xã Huy Hạ	2,2								2,2	1,68		0,52	
4	Đất sét gạch ngói bản Tân Ban xã Huy Thượng	1,6								1,6			1,61	
5	Công ty TNHH xây dựng Trường Thành thuê đất lâm thủy điện suối Sập II	14,2								14,2	10,32		3,91	
6	Dự án nhà máy điện gió Phù Yên	224,8								224,8	13,95	55,2	155,68	
7	Mỏ Đồng Nà Lạy, xã Sập Xa, huyện Phù Yên	1,6								1,6	1,62			
8	Mỏ đá tại bản Nà Liu 2 (nay là bản Nà Lò 2)	4,1								4,1			4,12	
9	Mỏ đá vôi bản Bốc, bản Nà Liu xã Huy Hạ	10,4								10,4	4,98		5,37	
10	Mỏ đồng bản Purn, xã Sập Xa, huyện Phù Yên	2,0								2,0			2,03	
11	Mỏ đồng Bắc đá đỏ, xã Đá Đỏ, huyện Phù Yên	0,9								0,9			0,85	
12	Mỏ đồng Phiêng Lương, Sập Xa, huyện Phù Yên	57,0								57,0	37,5		19,48	
13	Mỏ đồng suối bau, bản Suối Bau, xã Suối Bau, huyện Phù Yên	1,2								1,2		1,21		
14	Mỏ đồng Suối Chát, xã Tường Thượng, huyện Phù Yên	15,7								15,7	15,67			
15	Mỏ đồng Suối On, xã Kim Bon, huyện Phù Yên	22,1								22,1	18,26		3,86	
16	Mỏ đất bản Ban, Xã Huy Thượng	7,4								7,4			7,41	
17	Mỏ đất khu vực đồi Chăm Khí, bản Chăm Chải	3,4								3,4			3,4	
18	Mỏ chì Suối Bốc, xã Huy Hạ, huyện Phù Yên	7,6								7,6	2,21		5,38	
19	Mỏ chì Suối Cù, xã Huy Tân, huyện Phù Yên	20,2								20,2	13,66		6,58	
20	Mỏ sắt Suối Cù, xã Huy Tân, huyện Phù Yên	9,8	9,5	9,26		0,2				0,3		0,29		
21	Mỏ than Suối Lúa, Xã Nam Phong, huyện Phù Yên	6,5	5,1	3,79		1,35				1,3			1,32	
22	Nhà máy chế biến sâu quặng Niken	39,8								39,8	14,78	8,89	16,13	
23	Thủy điện Háng Đông B, xã Háng Đông, H. Bắc Yên và xã Suối Tọ, H. Phù Yên	75,4	21,4	2,85		18,56	54,0	13,02		41,00				
24	Thủy điện Mường Bang, xã Mường Bang, H. Phù Yên	1,8	1,8			1,77								
25	Thủy điện Quang Huy, xã Mường Thái, huyện Phù Yên	1,7					0,1			0,1	1,6		1,63	
26	Thủy điện suối Bé	3,2					3,2	0,73		2,5				
27	Thủy điện Suối Gà, xã Mường Bang, huyện Phù Yên	13,9	13,9	0,09		13,81								
28	Thủy điện Suối Lèo, xã Tân Lang và xã Mường Cơi, huyện Phù Yên	4,0								4,0			4,04	
29	Thủy điện Suối Ngang xã Quang Huy, huyện Phù Yên	2,2								2,2			2,23	
30	Trại Bò Hồng Long	2,4	0,3			0,26				2,1	0,17		1,93	
31	Trụ điện đường dây 110kv của thủy điện Suối Bé	0,6	0,2	0,09	0,03	0,07				0,4	0,16	0,13	0,07	
32	Trụ sở làm việc công an xã, thị trấn thuộc công an các huyện, thành phố trên địa bàn	0,2								0,2			0,17	
33	Xây dựng nhà máy luyện đồng kim loại Tây Bắc	0,2								0,2			0,2	

## 2. Danh mục các dự án định hướng (chưa có bản đồ cụ thể)

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
1	Mỏ đất bản Nà Xá	Khoáng sản	Xác định lại ranh giới
2	Mỏ Suối Bốc Bản Nà Liu, xã Huy Hạ	Khoáng sản	Xác định lại ranh giới
3	Mỏ chì Suối Tọ, bản Trò, xã Suối Tọ, huyện Phù Yên	Khoáng sản	Xác định lại ranh giới
4	Thủy điện Suối Lạt, xã Quang Huy và xã Mường Thái, huyện Phù Yên	Thủy điện, năng lượng	Xác định lại ranh giới
5	01 CT trong CT 29	Quân sự	Chưa xác định ranh giới bản đồ
6	01 tuyến đường cơ động mở mới nối 02 xã (CT 29)	Quân sự	Chưa xác định ranh giới bản đồ
7	02 CT trong CT 29	Quân sự	Chưa xác định ranh giới bản đồ
8	03 CT trong CT 29	Quân sự	Chưa xác định ranh giới bản đồ
9	06 CT trong CT 29	Quân sự	Chưa xác định ranh giới bản đồ
10	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Huy Bắc	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
11	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Huy Tân	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
12	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Huy Thượng	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
13	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Huy Trường	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
14	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Kim Bon	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
15	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Mường Bang	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
16	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Mường Cơi	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
17	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Mường Do	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
18	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Mường Lang	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
19	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Mường Thái	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
20	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Quang Huy	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
21	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Sập Xa	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
22	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Suối Bau	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
23	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Suối Tọ	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
24	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Tân Lang	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
25	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Tân Phong	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
26	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Trường Hạ	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
27	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Trường Phù	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
28	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Trường Thượng	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
29	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Trường Tiên	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
30	Đất ở khu dân cư nông thôn xã Huy Hạ	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
31	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Đá Đỏ	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
32	Đất ở khu dân cư các bản trong xã Gia Phù	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
33	Diện tích chuyển từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất	Khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
34	Dự án bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Suối Tre, bản Bèo, xã Trường Phong, huyện Phù Yên	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
35	Dự án điện gió Phù Yên 1	Điện gió	Chưa xác định ranh giới bản đồ
36	Dự án điện gió Phù Yên 2	Điện gió	Chưa xác định ranh giới bản đồ

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
37	Dự án điện gió Risen Phù Yên	Điện gió	Chưa xác định ranh giới bản đồ
38	Dự án điện gió Tây Phù Yên	Điện gió	Chưa xác định ranh giới bản đồ
39	Dự án khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Văn Cơi	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
40	Đường giao thông Tường Tiên, Kim Bon	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
41	Kè chống sạt lở và các HMPT đê Ông Giáp	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
42	Kè Suối Tắc	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
43	Khai thác đá bản Nà Liu	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
44	Mô đất phục vụ XD bản Lin bản Nhọt xã Gia Phù	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
45	Mở rộng cụm công nghiệp Gia Phù	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
46	Mở rộng Khai thác đá bản Nà Liu	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
47	Nâng cấp mở rộng quốc lộ 37	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
48	Nâng cấp mở rộng quốc lộ 43	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
49	Nghĩa trang nhân dân huyện Phù Yên	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
50	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi và khu chăn nuôi tập trung bản Khảo xã Tường Hạ	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
51	Nhà văn hóa bản Bãi Sại xã Đá Đỏ	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
52	Nhà văn hóa bản Đồng Mã	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
53	QH đất XD Chùa Phù Yên	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
54	Tái định cư Bản Bèo, Suối Tre	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
55	Tái định cư Suối Thịnh, xã Suối Bau	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
56	Thu hồi đất công ty TNHH nhà nước MTV Lâm nghiệp Phù Yên	Khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
57	Trạm y tế xã Hạ Tường	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
58	Trồng cây dược liệu các loại (Cây đinh lăng, ba kích, cỏ ngọt, diệp hạ châu, hà thủ ô, thổ thực linh, gừng, xả, ớt)	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
59	Trụ sở công an xã Tân Phong	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
60	Trường PTTH Tân Lang	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
61	Trường THCS xã Quang Huy	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
62	Trường tiểu học Gia Phù	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
63	Trường tiểu học Thị trấn Phù Yên	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
64	Xây dựng đường giao thông liên bản: bản Ban- bản Tân Ban - bản Núi Hồng	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
65	XD Nhà máy chế biến sâu quặng NiKel tại Phù Yên	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
66	XD nhà văn hoá bản Bãi Sại - xã Đá Đỏ	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
67	Xử lý diêm đen tại nạn giao thông trên QL 37 đoạn Km398+100 - Km398+600 huyện Phù Yên tỉnh Sơn La	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
68	Xử lý diêm đen tại nạn giao thông trên QL 37 đoạn Km399+0.00 - Km399+900 huyện Phù Yên tỉnh Sơn La	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
69	Dự án Phát triển vùng nguyên liệu cây gai xanh	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
70	Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt; tái chế rác thải theo công nghệ hiện đại	Môi trường	Chưa xác định ranh giới bản đồ
71	Bến xe khách huyện Phù Yên	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
72	Cơ sở chế biến thủy sản	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
73	Cụm công nghiệp Huy Tân	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
74	Cụm công nghiệp Tân Lang	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
75	Dự án đầu tư sản xuất gạo hữu cơ	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
76	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước đô thị Gia Phù	Cấp nước	Chưa xác định ranh giới bản đồ
77	Dự án Khu dân cư phía Đông thị trấn Phù Yên;	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
78	Dự án khu dân cư phía Tây thị trấn Phù Yên	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
79	Dự án nhà màng, nhà lưới áp dụng tưới nhỏ giọt	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
80	Dự án phát triển khu ở giá rẻ cho công nhân tại xã Gia Phù	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
81	Dự án phát triển khu ở, khu dân cư xã Huy hạ huyện Phù Yên	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
82	Dự án trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
83	Dự án xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản cây dược liệu, cây gai xanh và sản phẩm nông sản	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
84	Du lịch đồi thông Nong Cốp	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
85	Du lịch khu di tích lịch sử kháng chiến chống Pháp, rừng bản Nhọt xã Gia Phù, huyện Phù Yên	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
86	Du lịch Suối Chiều xã Mường Thái, huyện Phù Yên	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
87	Khu dân cư mới Phù Hoa	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
88	Nghiên cứu tài trợ lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các dự án phát triển khu ở tại xã Gia Phù (theo quy hoạch chung xã Gia Phù được duyệt)	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
89	Nhà máy sản xuất chè công nghệ cao	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
90	Nhà máy sản xuất và chế biến thịt lợn xuất khẩu	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
91	Trồng cây dược liệu các loại (cây An Xoa, đinh lăng, ba kích, cỏ ngọt, diệp hạ châu, hà thủ ô, thổ phục linh, gừng, xả, ớt....)	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
92	Trung tâm thương mại Phù Yên	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
93	Trường Mầm Non Tư thục Vương Quốc Trẻ	Giáo dục	Chưa xác định ranh giới bản đồ
94	Trường TH, THCS, THPT chất lượng cao Bình Minh Phù Yên	Giáo dục	Chưa xác định ranh giới bản đồ
95	Xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản nông sản	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
96	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
97	Xí nghiệp giấy da	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
98	Xưởng sơ chế, chế biến rau, củ, quả; kho lạnh bảo quản nông sản	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ



**VI. Huyện Quỳnh Nhai:****1. Danh mục các dự án có ranh giới bản đồ sử dụng đất lâm nghiệp**

TT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp							
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng sản xuất			
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT
<b>Tổng huyện</b>		<b>835,1</b>	<b>391,4</b>	<b>188,4</b>	<b>6,9</b>	<b>196,1</b>	<b>443,8</b>	<b>42,3</b>	<b>15,1</b>	<b>386,4</b>
1	Đầu tư khai thác than tại huyện Quỳnh Nhai (khu Nà Sàng, xã Cà Nàng và xã Mường Chiên, khu Nà Sùng, xã Mường Chiên)	4,1	1,3	1,3			2,8	1,6		1,2
2	Đường GTNT từ bản Phiêng Ban đi bản Lồm Khiêu, xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai	0,5	0,5	0,1		0,4				
3	Đường tỉnh 107C (từ xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến địa phận xã Nậm Sò, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu)	23,0	13,3	10,0		3,3	9,7	2,6		7,2
4	Đo đạc phục vụ công tác thu hồi đất cụm công nghiệp, xã Chiềng Bằng	28,0					28,0		12,8	15,2
5	Bố trí, sắp xếp ổn định cư vùng có nguy cơ sạt lở cao tại bản Huổi Ngà, xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai	0,5	0,5			0,5				
6	Bố trí, sắp xếp ổn định cư vùng có nguy cơ sạt lở cao tại bản Nậm Ngùa, xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai	1,9	1,9			1,9				
7	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng có nguy cơ sạt lở cao tại bản Nậm Ngùa, xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai	0,3	0,3			0,3	0,03			0,03
8	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất tại bản Pạ, xã Cà Nàng	0,01					0,01			0,01
9	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, lũ quét và đặc biệt khó khăn tại bản Huổi Tăm xã Mường Sại	0,6	0,6			0,6				
10	Bố trí, sắp xếp dân vùng thiên tai sạt lở đá tại bản Ca xã Chiềng Khoang, huyện Quỳnh Nhai	0,5	0,01			0,01	0,5			0,5
11	Bố trí, sắp xếp dân vùng thiên tai sạt lở đá tại bản Tôm xã Nậm ét, huyện Quỳnh Nhai	0,7					0,7			0,7
12	Cao su xã Mường Sại (sai vị trí sang bên xã Chiềng Bằng)	8,9					8,9		1,1	7,7
13	DA DGT bản Nà Mùn xã Chiềng Khay, bản Pà Lò xã Cà Nàng	40,4	37,5	28,2	2,3	7,0	2,8	0,1		2,7
14	DA tái định cư	503,2	312,1	129,3	4,5	178,3	191,0	34,8	1,2	155,1
15	Dự án Macca	197,9					197,9	3,2		194,7
16	Mỏ đất Mường Giôn	0,1					0,1			0,1
17	Mỏ đất Mường Giàng 2	1,1					1,1			1,1
18	Than Bản Púm xã Pa Kinh, huyện Quỳnh Nhai	2,7	2,7	2,7						
19	Than Châu Quân Nà Hồ, Bản Châu Quân, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai	14,8	14,8	11,4		3,4				
20	Than Hin Tăng, xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	5,6	5,6	5,6						
21	Than Nà Sùng xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai	0,4	0,4			0,4				
22	Thủy lợi, bản Giang Lò, xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	0,2	0,03			0,03	0,2			0,2

## 2. Danh mục các dự án định hướng (chưa có bản đồ cụ thể)

TT	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
1	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai tại bản Phát, xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	Dự án khác	Ranh giới bản đồ DA chưa phù hợp với BĐ rà soát
2	Chi nhánh Công ty CP đầu tư và xây dựng Tuần Cường thuê để sản xuất kinh doanh	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ DA chưa phù hợp với BĐ rà soát
3	Cho công ty CP Liên Việt Sơn La thuê đất trồng cây Mắc Ca	Cây ăn quả, cây lâu năm,..	Ranh giới bản đồ DA chưa phù hợp với BĐ rà soát
4	Đá xây dựng Bản Cút 2 xã Mường Giôn	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ DA chưa phù hợp với BĐ rà soát
5	Đá xây dựng Bản He xã Chiềng Khoang	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ DA chưa phù hợp với BĐ rà soát
6	Đá xây dựng Bản Phiêng Bay, xã Chiềng Khay	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ DA chưa phù hợp với BĐ rà soát
7	Dự án san lấp bản Bo Xanh, xã Mường Giôn	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ DA chưa phù hợp với BĐ rà soát
8	Dự án TĐ 2020 xã Chiềng Khay (Xác định lại tên dự án)	Thủy điện, năng lượng	Ranh giới bản đồ DA chưa phù hợp với BĐ rà soát
9	Mỏ đá vôi tại bản He, xã Chiềng Khoang, huyện Quỳnh Nhai	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ DA chưa phù hợp với BĐ rà soát
10	Thủy điện Nậm Khăn xã Chiềng Khay, H. Quỳnh Nhai	Thủy điện, năng lượng	Ranh giới bản đồ DA chưa phù hợp với BĐ rà soát
11	Thủy điện Nậm Mùa xã Chiềng Khay, H. Quỳnh Nhai	Thủy điện, năng lượng	Ranh giới bản đồ DA chưa phù hợp với BĐ rà soát
12	Bản đồ dự kiến đưa vào điều chỉnh QH3LR các xã trên địa bàn huyện	Lâm nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
13	Điểm mỏ đá vôi bản He	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
14	Điểm tái định cư Tền Pá Hu	Khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
15	Đo đạc phục vụ công tác thu hồi đất cụm công nghiệp, xã Chiềng Bằng, H. Quỳnh Nhai	Khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
16	Dự án Hồ Lăng Luông	Khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
17	Đường dây trung thế Cha Mạy - Pá Uây	Điện Lực	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
18	Đường dây trung thế Pú Chấn-Há Tàu	Điện Lực	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
19	Đường dây trung thế Trung tâm xã- ngã ba Quốc lộ 6	Điện Lực	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
20	Đường lên thao trường huấn luyện xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
21	Đường liên bản Huổi Lụ xã Liệp Tè (Thuận Châu) đến bản Huổi Hẹ xã Nậm É (Quỳnh Nhai)	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
22	Đường Liên bản từ bản Póm Hán xã Nậm É đến bản Pha Đào xã Mường Sại, huyện Quỳnh Nhai	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
24	Đường liên xã Bon Phặng - Nậm Lầu	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
25	Đường truyền tải điện 220KV Sơn La - Điện Biên	Điện Lực	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
26	Đường từ trung tâm xã đi bản Tôm xã Nậm É	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
28	HTX Nậm Giôn thuê đất trồng rừng sản xuất, bảo vệ và phát triển rừng	Khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
29	Khu đất phục vụ công tác GPMB dự án khai thác than tại huyện Quỳnh Nhai	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
30	Khu trung tâm mới của xã Phong Lập (chợ trung tâm xã, đường và trụ sở làm việc, TS công an...)	Khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
31	Mỏ đá vôi tại bản He, xã Chiềng Khoang, huyện Quỳnh Nhai	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
32	Mỏ đất san lấp bản Bo Xanh	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
33	Mỏ đất san lấp xã Mường Giàng (tiểu khu 2)	Đất san lấp	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
34	Nhà văn hóa, Trụ sở làm việc Đảng Ủy HỘND - UBND xã Mường É	Khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
35	Ranh giới các dự án đầu tư công trên địa bàn huyện	xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
36	Ranh giới điểm mỏ Mường Giàng 1, Mường Giàng 2 và Mường Giôn	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA

TT	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
37	Than Châu Quân Nà Hồ, Bản Châu Quân, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai	Than	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
38	Cơ sở giết mổ, gia súc gia cầm tập trung	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
39	Cụm công nghiệp Chiềng Bằng	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
40	Dự án phát triển văn hóa du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, văn hóa tại các xã	Thương mại - DVụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
41	Dự án cấp nước sạch nông thôn	Cấp nước	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
42	Dự án đầu tư khu thương mại dịch vụ, cửa hàng tiện ích tại trung tâm các xã	Thương mại - DVụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
43	Dự án đầu tư trồng rừng sản xuất, bảo vệ và phát triển rừng gắn với chăn nuôi lợn tại xã Mường Giôn	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
44	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đô thị	Môi trường	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
45	Dự án đầu tư xây dựng Khu xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai	Môi trường	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
46	Dự án khai thác hang động, xây dựng khu nghỉ dưỡng suối nước nóng; du lịch văn hóa, cộng đồng, sinh thái xã Mường Chiên	Thương mại - DVụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
47	Dự án khai thác phát triển du lịch các hang động, đỉnh Khâu Pùm - Chiềng Khay; du lịch văn hóa, cộng đồng, sinh thái gắn với nông nghiệp nông thôn xã Chiềng Khay	Thương mại - DVụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
48	Dự án khu du lịch văn hóa tâm linh	Thương mại - DVụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
49	Dự án nuôi thủy sản	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
50	Dự án phát triển chăn nuôi lợn sạch tại Chiềng Khay	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
51	Dự án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp, dịch vụ vui chơi, giải trí trên lòng hồ thủy điện Sơn La địa phận huyện Quỳnh Nhai	Thương mại - DVụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
52	Dự án phát triển khu du lịch sinh thái vùng lòng hồ thủy điện Sơn La	Thương mại - DVụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
53	Dự án phát triển nhà ở thương mại	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
54	Dự án Tổ hợp chế biến thủy sản, nông sản, chế biến thức ăn gia súc, thức ăn nuôi thủy sản,	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
55	Dự án trồng cây ăn quả tại các xã	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
56	Dự án trồng rừng sản xuất tại xã Chiềng Ôn, Chiềng Khay, Mường Chiên, Mường Giàng	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
57	Dự án trồng, bảo quản chế biến quả Mắc Ca	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
58	Dự án trồng, bảo quản chế biến sản phẩm từ cây Quế, Sâm, Sa nhân và cây dược liệu khác	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
59	Dự án ứng dụng tiên bộ kỹ thuật bảo tồn, phát triển và trồng thâm canh giống Trám đen Phiêng Mứt (Canarium tramdenum Dai&Ykovl), theo hướng lấy quả tại xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
60	Dự án xây dựng cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền tại xã Chiềng Bằng, Mường Giàng	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
61	Dự án xây dựng trung tâm thương mại Quỳnh Nhai	Thương mại - DVụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
62	Dự án xây dựng và khai thác các bến xe khách, xe buýt tại các xã Mường Giôn, Chiềng Khay, Chiềng Khoang	Thương mại - DVụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA
63	Xây dựng, khai thác bến thủy nội địa	Thương mại - DVụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ DA

## VII. Huyện Sông Mã:

### 1. Danh mục các dự án có ranh giới bản đồ sử dụng đất lâm nghiệp

TT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)											
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất			
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT
	<b>Tổng huyện</b>	<b>110,2</b>	<b>50,9</b>	<b>10,6</b>	<b>0,4</b>	<b>39,9</b>					<b>59,3</b>	<b>3,7</b>	<b>4,2</b>	<b>51,5</b>
1	Đầu tư cứng hóa đường giao thông từ bản Bua Hin - Trung tâm xã Mường Hung	4,4	2,1			2,1					2,4			2,4
2	Công ty cổ phần bột tan Miền Bắc thuê để khai thác mỏ	7,9	7,9	7,9										
3	Cho công ty cổ phần thủy điện Nậm Công Sơn La thuê để xây dựng công trình nhà máy	1,2								1,2				1,2
4	Cho công ty CP thủy điện Pá Chiến thuê để xây dựng nhà máy thủy điện Mường Hung	2,0								2,0				2,0
5	Dự án thủy lợi Công ty TNHH MTV quản lý, khai thác công trình thủy lợi Sơn La	1,5								1,5				1,5
6	Giao đất Lỗm Hóm	1,4	1,4			1,4								
7	Mỏ đá Nong Lếch	0,8	0,8	0,2		0,6								
8	Mỏ đất Chiềng Cang	0,1								0,1				0,1
9	Mỏ đất san lấp bản Nhạp (Khu2)	4,2								4,2		4,2		
10	Mỏ đất san lấp khu vực tại bản Lê Hồng Phong	4,9								4,9				4,9
11	Mỏ Talc Pa Nó	31,5	12,7			12,7				18,8				18,8
12	Phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thủy điện	4,6								4,6				4,6
13	Thao trường quân sự huyện	3,8								3,8				3,8
14	Thủy điện Bó Sinh, huyện Sông Mã	3,4	1,6	1,3		0,3				1,9	1,9			
15	Thủy điện Mường Sai	1,3	1,3			1,3								
16	Thủy điện Nậm Soi 1	6,5								6,5				6,5
17	Thủy điện Nậm Soi 3	4,5	4,5	1,1		3,3								
18	Thủy điện Nậm Soi 4	3,0	3,0		0,4	2,6								
19	Thủy điện Nậm Ty	3,5								3,5	1,9			1,7
20	Tỉnh lộ 113	11,0	7,1			7,1				4,0				4,0
21	Tuyến đường Chiềng Phung - Mường Lầm	8,8	8,6			8,6				0,2				0,2

## 2. Danh mục các dự án định hướng (chưa có bản đồ cụ thể)

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
1	Đá xây dựng Huồi Vạng xã Huồi Một	Khoáng sản	Ranh giới DA chưa phù hợp với RG bản đồ QH3LR
2	Đất xét gạch ngói bản Hồng Nam xã Chiềng Khoong (khu 1)	Khoáng sản	Ranh giới DA chưa phù hợp với RG bản đồ QH3LR
3	Giao cho công ty CP thủy điện Bó Sinh thuê đất để xây dựng chân cột điện 110KV	Thủy điện, năng lượng	Ranh giới DA chưa phù hợp với RG bản đồ QH3LR
4	Mỏ đất san lấp Bản Nhạp khu 1	Khoáng sản	Ranh giới DA chưa phù hợp với RG bản đồ QH3LR
5	Mỏ đất san lấp bản Nhạp, xã Chiềng Cang (tiểu khu 2)	Khoáng sản	Ranh giới DA chưa phù hợp với RG bản đồ QH3LR
6	Thủy điện Huồi Sai xã Chiềng Păn, H. Mai Sơn; xã Mường Sai, H. Sông Mã	Thủy điện, năng lượng	Ranh giới DA chưa phù hợp với RG bản đồ QH3LR
7	Công trình bố trí sắp xếp dân cư bản Tin Tốc xã Mường Sai	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
8	Công trình định canh, định cư Bản Nong Phạ xã Mường Sai	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
9	Cột phát sóng điện thoại bản Bó Chạy	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
10	Dự án thủy điện Chiềng Khương	Thủy điện	Chưa xác định ranh giới bản đồ
11	Quy hoạch đất Quốc phòng	Quốc phòng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
12	Tuyên Bó Luông Tà Hay	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
13	Tuyên Bó Quỳnh - Lụng Quai	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
14	Tuyên Bông Tông - Co Săn	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
15	Tuyên Đội 3 - Xi Lô	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
16	Tuyên Hán Ku - Bản Mòn	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
17	Tuyên Xim Muội - Bó Chạy	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
18	Cụm công nghiệp Nà Nghịu	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
19	Dự án phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
20	Dự án phát triển rau an toàn	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
21	Dự án phát triển vùng nguyên liệu sản xuất, chế biến Quế tại huyện Sông Mã	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
22	Mô hình chăn nuôi gà đẻ trứng theo hương VietGAP	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
23	Nhà máy chế biến cà phê nhân	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
24	Nhà máy chế biến các sản phẩm phụ để phục vụ chăn nuôi gia súc từ các loại vỏ chanh leo, bã mía, cây ngô, vỏ cà phê...	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
25	Nhà máy chế biến gỗ từ nguyên liệu rừng trồng	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
26	Trung tâm thương mại dịch vụ khu đô thị Hưng Mai (Khu đất DVH1 tiếp giáp đường 21 m)	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ
27	Trung tâm thương mại dịch vụ khu đô thị Nà Nghịu.	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ
28	Trung tâm thương mại dịch vụ khu đô thị Quyết Tiến	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ
29	Trường Mầm non tư thục	Giáo dục	Chưa xác định ranh giới bản đồ
30	Dự án Điện gió	Thủy điện, năng lượng	Có bản đồ DA nhưng chưa xác định diện tích chiếm dụng đất cụ thể

## VIII. Huyện Sốp Cộp

### 1. Danh mục các dự án có ranh giới bản đồ sử dụng đất lâm nghiệp

TT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)											
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất			
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT
<b>Tổng huyện</b>		<b>156,6</b>	<b>24,2</b>			<b>24,2</b>				<b>132,4</b>			<b>132,4</b>	
1	Công an tỉnh Sơn La làm trụ sở công an huyện Sốp Cộp	0,2								0,2			0,2	
2	Mỏ đất bản Huổi Khăng, xã Sốp Cộp	0,3								0,3			0,3	
3	Mỏ đất bản Nớ Sài, xã Sốp Cộp	0,1								0,1			0,1	
4	Mỏ đất Hua Mường	9,2								9,2			9,2	
5	Tái định cư Nậm Pùn, xã Mường Lèo	5,8	5,8			5,8								
6	Thủy điện Nậm Soi 1, xã Mường Cai, H. Sông Mã và xã Mường Lạn, H. Sốp Cộp	1,2								1,2			1,2	
7	Tiêu dự án cấp điện nông thôn	16,4	7,4			7,4				9,0			9,0	
8	Trạm biến áp đầu tư mới 50 KVA	1,2								1,2			1,2	
9	Trồng Mắc ca kết hợp với một số loại cây LN tại huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	117,7	11,0			11,0				106,8			106,8	
10	Trận địa súng máy phòng không 12,7 mm	4,6								4,6			4,6	

### 2. Danh mục các dự án định hướng (chưa có bản đồ cụ thể)

TT	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
1	Cho công ty CP xây dựng Trường Giang thuê để sản xuất kinh doanh vật liệu	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
2	GPMB xây dựng tuyến giao thông và bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Nậm Lìn	Giao thông	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
3	Mỏ cát khu vực đập phai bản Cống	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
4	Mỏ đá Huổi Lầu xã Mường Và (Khu 1)	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
5	Mỏ đá Huổi Lầu xã Mường Và (Khu 2)	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
6	Đá xây dựng bản Tà Cọ xã Sốp Cộp	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
7	Bồi thường GPMB và xây dựng tuyến đường	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
8	Cát Xây dựng khu vực đập phai bản Cống xã Mường Lạn	Cát Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
9	Cửa khẩu Lạnh Bán, xã Nậm Lạnh	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
10	Danh sách các lô rừng điều chỉnh từ phòng hộ ra khỏi 3lr	Lâm nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
11	Điện gió Mường Sam tại huyện Sốp Cộp	Điện Lực	Chưa xác định ranh giới bản đồ
12	Đồ án quy hoạch Thị trấn Sốp Cộp	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
13	Đồn Biên phòng Mường Và huyện Sốp Cộp	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
14	Dự án điện gió Mường Sam	Điện gió	Chưa xác định ranh giới bản đồ
15	Dự án thủy điện Nậm Pùn 1	Thủy điện	Chưa xác định ranh giới bản đồ

<b>TT</b>	<b>Tên dự án (theo TL thu thập)</b>	<b>Loại dự án</b>	<b>Ghi chú</b>
16	Giao cho Ban QLR Đặc dụng - Phòng hộ Sốp Cộp để xây dựng trụ sở và công trình	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
17	Giao cho bộ đội biên phòng tỉnh Sơn La để xây dựng trạm kiểm soát biên phòng Pu Hao	Khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
18	GPMB xây dựng tuyến giao thông và bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Nậm Pùn xã Mường Lèo H. Sốp Cộp	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
19	Mỏ cát bản Huổi Lè	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
20	Mỏ đá xây dựng bản Tà Cọ xã Sốp Cộp	Đá xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
21	Mỏ đất san lấp bản Huổi Khăng, xã Sốp Cộp	đất san lấp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
22	Mỏ đất san lấp bản Nó Sài, xã Sốp Cộp	đất san lấp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
23	Điểm du lịch di tích tháp Mường Và và kết hợp phát triển du lịch cộng đồng bản Mường Và	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ
24	Dự án chế biến, bảo quản nông, lâm sản, dược liệu	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
25	Dự án trồng rừng sản xuất, trồng cây dược liệu: Cây xa nhân xanh; xa nhân tím; Sâm bố chính; đảng sâm; Hà thủ ô; Ba kích...	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
26	Dự án trồng rừng sản xuất, trồng cây dược liệu: Trồng cây Hoàng tinh; Lan bạch Cặp	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ

## IX. Huyện Thuận Châu:

### 1. Danh mục các dự án có ranh giới bản đồ sử dụng đất lâm nghiệp

TT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)											
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất			
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT
	<b>Tổng huyện</b>	<b>180,7</b>	<b>112,9</b>	<b>40,1</b>	<b>6,5</b>	<b>66,3</b>					<b>67,9</b>	<b>26,2</b>	<b>10,8</b>	<b>30,9</b>
1	Đường liên xã Long Hẹ - Phông Lập	9,0	4,9	0,3		4,6					4,1	1,3		2,8
2	Đường vào bản Pá Ný, xã Pá Lô	1,0									1,0			1,0
3	Đường vào bản Pú Chứn, xã Long Hẹ	1,8	0,7			0,7					1,1			1,1
4	Công trình thao trường huấn luyện xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu	0,1									0,1			0,1
5	Cơ sở điều trị nghiện ma túy huyện Thuận Châu	6,4									6,4	1,4		5,1
6	Chăn nuôi lợn nái sinh sản, lợn thương phẩm, bản Liên Minh, xã Nong Lay	0,8	0,8			0,8								
7	ĐA đường dây điện 220KV Sơn La -Điện Biên (đoạn qua huyện Thuận Châu)	0,9	0,2	0,2		0,1					0,7	0,2	0,5	0,1
8	Dự án đường giao thông Bon Phặng, Nậm Lâu huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La	3,0	0,1			0,1					3,0	0,2		2,7
9	Dự án hồ Lăng Luông xã Phông Lăng, huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La	0,6									0,6	0,1		0,5
10	Dự án trụ sở đảng ủy HĐND UBND xã Phông Lập	1,4									1,4			1,4
11	Khu di tích lịch sử - văn hóa đèo Pha Đin	135,9	91,4	36,7	6,5	48,2					44,5	23,0	6,8	14,8
12	KVW7	3,6									3,6			3,6
13	Mỏ đá Bản Cuông Mường	1,2	1,2			1,2								
14	Mỏ đá vôi bản Bia, xã Phông Lăng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	0,8									0,8			0,8
15	Phục vụ GPMB tại đoạn KM362+051-KM362+290 Quốc lộ 6, Tỉnh Sơn La	0,5									0,5	0,1		0,3
16	Thủy điện Nậm Hóa 1	10,6	10,6	0,3		10,3								
17	Thu hồi đất của các hộ gia đình cá nhân, để giao cho công ty CP đầu tư và XD CHĐ	0,2									0,2			0,2
18	Trận địa súng máy phòng không 12,7mm	3,0	3,0	2,7		0,4								
19	Trụ sở làm việc công an xã Pá Lô	0,1									0,1			0,1

### 2. Danh mục các dự án định hướng (chưa có bản đồ cụ thể)

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
1	Mỏ đá xây dựng bản Cuông Mường Xã Tông Lạnh	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
2	Đá xây dựng Bản Sen To khu 2 xã Tông Cọ	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
3	Cụm công nghiệp Tông Cọ	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
4	Khu dân cư số 1 tại xã Chiềng Ly và Thị trấn huyện Thuận Châu	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
5	Khu dân cư số 1 xã Chiềng Ly và xã Phông Lăng	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
6	Khu dân cư số 1 xã Chiềng Pắc	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
7	Khu dân cư số 2 tại xã Chiềng Ly và Thị trấn huyện Thuận Châu	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
8	Khu dân cư số 2 xã Chiềng Ly và xã Phông Lăng	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ



Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
9	Khu dân cư số 2 xã Chiềng Pắc	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
10	Khu dân cư Tông Lạnh	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
11	Quần thể khu du lịch đèo Pha Đin	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ
12	Kè phòng chống lũ, sạt lở đất và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dọc suối Muội, huyện Thuận Châu (Giai đoạn 3)	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
13	Di chuyển đường dây 110kV, 35kV trong khu vực QH mở rộng Thị trấn Thuận Châu	Thủy điện, năng lượng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
14	Nhà máy chế biến cà phê nhân	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
15	Nhà máy chế biến các loại quả	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
16	Nhà máy chế biến quả sơn tra và dược liệu	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
17	Nhà máy chế biến sắn	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
18	Nhà máy chế biến sấu cà phê	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
19	Nhà máy chế biến tinh bột sắn	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
20	Sản xuất và phát triển giống thủy sản	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
21	Trồng và chế biến quả mắc ca	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
22	Trung tâm thương mại Thị trấn Thuận Châu	Thương mại - Dịch vụ - Du lịch	Chưa xác định ranh giới bản đồ
23	Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
24	Chăn nuôi đại gia súc	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
25	Chăn nuôi thủy sản tập trung	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
26	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
27	Thủy điện Nậm Hét 1 tại xã Mường É và xã Phông Lập huyện Thuận Châu	Thủy điện, năng lượng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
28	Thủy điện Nậm Hét 2 tại xã É Tòng và xã Long Hẹ, huyện Thuận Châu	Thủy điện, năng lượng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
29	Thu hồi của công ty quản lý sửa chữa đường bộ IV Sơn La giao cho Sở giao thông	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
30	Đường giao thông liên xã điếm đầu từ bản Phạ Lụ, xã Mường É - điếm cuối bản Nà Muông, xã É Tòng	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
31	Trạm Y tế xã Phông Lập	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
32	DA đường giao thông bản Hán - Tạ Khoang xã Chiềng Pha, Chiềng Ly	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
33	DA đường Bản Kẹ - Mâu Xá, xã Phông Lập	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
34	DA tôn tạo Di tích lịch sử Quốc gia; Di sản khảo cổ Núi đá bản Mòn, xã Thôm Mòn	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
35	DA điện an toàn trên địa bàn huyện	Thủy điện, năng lượng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
36	DA đường dây trung thế Cha May - Pá Uồi xã Long Hẹ	Thủy điện, năng lượng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
37	DA đường dây trung thế Pú Chún-Há Tàu xã Long Hẹ	Thủy điện, năng lượng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
38	Đường Mường Tranh bản Hịa - Trung tâm xã Chiềng Noi, huyện Mai Sơn	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
39	Đường Vào bản Nong Cu, xã Bó Mười	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
40	Nhà Văn hóa bản Chợ Muông xã Chiềng Pha	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
41	Đường Vào bản Phiêng Mạt-Co Nghè xã Co Mạ, Long Hẹ	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
42	DA tuyến đường vào bản Tịa Tậu xã Pá Lông	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
43	DA đường vào bản Dôm xã Púng Tra	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
44	DA đường vào bản Huổi Luông xã Phông Lãng	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ

<b>Stt</b>	<b>Tên dự án (theo TL thu thập)</b>	<b>Loại dự án</b>	<b>Ghi chú</b>
45	DA đường vào bản Pù xã Chiềng Ngâm	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
46	DA điện an toàn trên địa bàn 04 xã (Co Mạ, Long Hẹ, Chiềng Bôm, Co Tòng)	Thủy điện, năng lượng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
47	DA lưới điện sinh hoạt tại các bản có đồng bào dân tộc La Ha	Thủy điện, năng lượng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
48	DA bố trí sắp xếp dân cư điểm TĐC Ten Pá Hu bản Huổi Tát, xã Liệp Tè	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
49	DA đường dây điện 35Kv	Thủy điện, năng lượng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
50	DA đường Tỉnh lộ 116B vào bản Nhốc, Thông, Ổ, Lạn xã Mường Khiêng	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
51	DA đường vào bản Há Khúa - Thẩm Sét xã Co Tòng	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
52	DA đường bản Song - Quốc lộ 6 Chiềng La	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
53	DA Hồ Lãng lương thu hồi giai đoạn II	Dự án khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
54	Quy hoạch mở rộng trường bắn thao trường huấn luyện huyện Thuận Châu (thuộc xã Chiềng Ly)	Quốc phòng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
55	Đường điện bản Há Tàu - Nông Cốc-Pá Uồi	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ



## 2. Danh mục các dự án định hướng (chưa có bản đồ cụ thể)

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
1	Di chuyển đường dây 110KV, 35KV mạch kép đoạn bệnh viện đa khoa Sơn La - TBA 110	Thủy điện, năng lượng	Không đưa được vào trong bản đồ
2	Cho công ty CP dịch vụ và Môi trường đô thị Sơn La thuê đất	Dự án khác	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
3	Đá xây dựng bản Noong Đúc và bản Mạt phường Chiềng Sinh tp.Sơn la và xã Chiềng Mung, H. Mai Sơn	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
4	Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
5	Mỏ đá Noong ăng bản Cọ phường Chiềng An (khu 1)	Khoáng sản	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
6	Giao cho công ty CP NTF Hoàng Phát để phát triển dự án: khu đô thị Pốt Nọi	Dự án khác	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
7	Thu hồi đất của Trung tâm phát triển quỹ đất TP Sơn La giao cho TT phát triển	Dự án khác	Ranh giới bản đồ cung cấp chưa phù hợp
8	Bãi đỗ thải khu vực xã Hua La quy hoạch sang đất thể thao và thương mại dịch vụ	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
9	Ban chỉ huy quân sự xã Chiềng Đen (Thao trường bắn súng TLAK)	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
10	Ban chỉ huy quân sự xã Chiềng Ngần, Chiềng Sinh (Cụm thao trường bắn súng TLAK)	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
11	Các khu, điểm tái định cư dự án hồ bản Mòng	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
12	Đầu tư xây dựng cột ăng ten tự đứng thuộc trụ sở Công an tỉnh Sơn La	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
13	Đầu tư xây dựng tuyến đường Điện lực - Lò Văn Giá	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
14	Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh QL6 thành phố Sơn La	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
15	Điểm mỏ đất đắp bản Nam, xã Hua La	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
16	Điểm mỏ đất đắp Chiềng Cọ	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
17	Điểm mỏ đất đắp Chiềng Sinh - Chiềng Ngần	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
18	Điểm mỏ Đất bản Pốt phường Chiềng Cơi	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
19	Điểm mỏ khai thác đá vôi vật liệu xây dựng thông thường	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
20	Điểm tái định cư tập trung Noong Đúc	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
21	Dự án tuyến đường Hoàng Quốc Việt - Mé Ban - Trần Đăng Ninh	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
22	Đường ống nước, bể chứa nước Trạm Viba Sơn La 1	Thủy lợi	Chưa xác định ranh giới bản đồ
23	Đường từ bản Ph.Nghè, xã Ch.Đen - Tỉnh lộ 279D Chiềng Xôm	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
24	Hang bản Bóng xã Hua La	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
25	Khu Căn cứ hậu phương, Căn cứ hậu cần - kỹ thuật	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
26	Khu dân cư bản Noong La, phường Chiềng Sinh	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
27	Khu dân cư lô số 5 dọc suối Nậm La	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
28	Khu dân cư và dịch vụ bản Cang, phường Chiềng Sinh	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
29	Khu đô thị Coóng Nọi, phường Chiềng Cơi	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
30	Khu đô thị Hẹo Phung, phường Chiềng Sinh	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
31	Khu đô thị mới Chiềng Ngần (khai thác quỹ đất để tạo vốn đầu tư tuyến đường Huổi Hin - Chiềng Ngần - Chiềng Sinh và mở rộng không gian phát triển đô thị thành phố)	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
32	Khu đô thị Pốt Nọi, phường Chiềng Cơi	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
33	Khu đô thị số 1, phường Chiềng Sinh	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
34	Khu đô thị thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí cao cấp Phiêng Khá, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
35	Khu nhà ở xã hội - bản Lay và tổ 5, phường Chiềng Sinh	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
36	Khu nhà ở xã hội - bản Phường, xã Chiềng Ngần	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
37	Khu tập trung Quân nhân tự vệ xã Chiềng Xôm	Quốc phòng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
38	Mở mới tuyến đường kết nối cụm kho K4, Trung đội vận tải, Tiểu đoàn bộ binh 1 với thao trường thành phố	Quốc phòng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
39	Mở rộng khu tập trung A2	Quốc phòng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
40	Mở rộng thao trường HLKT tổ 12 phường Quyết Thắng	Quốc phòng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
41	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Chiềng Xôm - Chiềng Đen	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
42	Nghĩa trang nhân dân thành phố Sơn La (MR nghĩa trang Bó Ân)	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
43	Nghĩa trang nhân dân xã Chiềng Xôm (bản Phiêng Ngùa)	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
44	Nghĩa trang phường Chiềng An	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
45	Sân Golf Chiềng Sinh	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
46	Thao trường huấn luyện LLDQTV xã Chiềng Cọ	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
47	Trạm truyền dẫn sóng phát thanh tổ 3 phường Chiềng An (di chuyển từ TTTD sóng phát thanh phường Chiềng Sinh)	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
48	Tuyến đường Chiềng Xôm - Chiềng Ngần	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
49	Tuyến đường kết nối đường QL6 tránh đến Cụm công nghiệp Hua La	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
50	Tuyến đường kết nối từ QL6 - Noong Đúc - QL6 tránh thành phố	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
51	Xây dựng 02 cầu treo qua lòng hồ đi khu sản xuất điểm TĐC Ten Đôn và điểm TĐC Ten Co Cườm II thuộc dự án Hồ chứa nước bản Mòng	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
52	Công viên nghĩa trang tại thành phố Sơn La	Môi trường	Chưa xác định ranh giới bản đồ
53	Bãi đỗ xe và kho vận (tại các khu vực có điểm đầu nối từ Trung tâm thành phố với đường Quốc lộ 6 và 02 đầu tuyến vào thành phố )	Kết cấu hạ tầng đô thị	Chưa xác định ranh giới bản đồ
54	Các trung tâm thương mại và cửa hàng tiện ích	Thương mại - DV- DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
55	Chợ Noong Đúc, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Thương mại - DV- DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
56	Cụm Công nghiệp Hoàng Văn Thụ	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
57	Dự án sản xuất rau, quả ứng dụng công nghệ cao	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
58	Dự án sơ chế, chế biến cà phê không gây ô nhiễm môi trường	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
59	Dự án tiếp nhận chuyển giao công nghệ giống cây trồng Nông nghiệp	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
60	Du lịch sinh thái Hồ bản Mòng	Thương mại - DV- DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
61	Giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
62	Khu dân cư đầu tuyến tránh Quốc lộ 6 (thành phố - huyện Mai Sơn)	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
63	Khu dân cư giải trí cao cấp gắn với sân Golf	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
64	Khu dân cư mới phường Chiềng Cơi	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
65	Khu dân cư Phiêng Khá	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
66	Khu dân cư số 1, Bản Co Pục, xã Chiềng Ngần	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
67	Khu dân cư số 2- Hồ Tuổi trẻ	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
68	Khu dân cư số 2, Bản Phường, xã Chiềng Ngần	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ

<b>Stt</b>	<b>Tên dự án (theo TL thu thập)</b>	<b>Loại dự án</b>	<b>Ghi chú</b>
69	Khu dân cư Tây Nam thành phố	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
70	Khu du lịch khoáng nóng Bàn Mòng, thành phố Sơn La	Thương mại - DV- DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
71	Khu số 1 (đã GPMB)	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
72	Khu số 2 (chưa GPMB)	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
73	Khu Tổ hợp nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí bản Buôn	Thương mại - DV- DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
74	Khu Tổ hợp nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí bản Co Pục, bản Híp	Thương mại - DV- DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
75	Nhà máy Giấy- Da	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
76	Nhà máy May	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
77	Nhà máy nước sạch và Hệ thống tuyến ống cấp I-II	Cấp nước	Chưa xác định ranh giới bản đồ
78	Nhà ở xã hội tại bản Lay và Tổ 5 phường Chiềng Sinh	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
79	Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt tại nông thôn	Môi trường	Chưa xác định ranh giới bản đồ
80	Trung tâm thương mại phường Chiềng Lê, thành phố Sơn La	Thương mại - DV- DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
81	Trung tâm thương mại phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Thương mại - DV- DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ

**XI. Huyện Vân Hồ:****1. Danh mục các dự án có ranh giới bản đồ sử dụng đất lâm nghiệp**

TT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)											
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất			
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT
	<b>Tổng huyện</b>	<b>5.014,8</b>	<b>626,2</b>	<b>524,3</b>	<b>0,3</b>	<b>101,7</b>					<b>4.388,6</b>	<b>1.959,7</b>	<b>264,9</b>	<b>2.164,0</b>
1	Đường giao thông kết nối điểm du lịch rừng sinh thái Pa Cốp xã Vân Hồ với tt Vân Hồ	1,7									1,7			1,7
2	Đường giao thông kết nối rừng sinh thái Pa Cốp Vân Hồ với xã Chiềng Xuân	4,0	0,4	0,1		0,3					3,6	0,2		3,5
3	Đường giao thông liên xã bản Uông Mường Men, bản Đá Mài Tô Múa, bản Pù Hiềng Mường Tè	7,2	0,2		0,1	0,1					7,0	1,2		5,8
4	Điểm du lịch cộng đồng Chiềng Yên	679,5									679,5	203,1	189,1	287,4
5	Điểm du lịch nghỉ dưỡng Farmstay Vân Hồ	10,3									10,3	0,3		10,0
6	Bãi đỗ xe	24,3									24,3	1,9	12,7	9,7
7	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Coong, xã Quang Minh, huyện Vân Hồ	0,7	0,7	0,7		0,0								
8	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Dón, bản Tà Phù tại khu tái định cư tập trung Pu Nhay	0,8									0,8			0,8
9	Bệnh viện đa khoa Vân Hồ	0,1									0,1			0,1
10	Công ty cổ phần khoa học Việt Nam Hàn Quốc	251,9									251,9	55,6		196,3
11	Công ty CP đầu tư khoáng sản KTB	76,3									76,3	8,6		67,7
12	Công ty CP KST Việt Nam thuê đất để thực hiện dự án điểm du lịch cộng đồng	0,4									0,4	0,2		0,3
13	Cao tốc Mộc Châu-Hòa Bình tuyến mới	113,0									113,0	55,8	24,8	32,5
14	Cụm công nghiệp Lóng Luông	22,8									22,8	16,7		6,1
15	Dự án Đầu tư khai thác mỏ than Suối Bàng, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	13,6									13,6			13,6
16	Dự án đất xét bản Na Ngàn	0,6									0,6			0,6
17	Dự án cụm công nghiệp xã Song Khùa	9,7									9,7			9,7
18	Dự án dịch vụ Cáp treo Vân Hồ	1.230,7	344,2	275,1		69,1					886,5	661,3	1,8	223,4
19	Dự án khai thác mỏ cát sạn tại đồi Hua Tạt Km 167+500	8,3									8,3	2,9	0,9	4,5
20	Dự án khu đô thị du lịch và dịch vụ Lạc Kiến	130,4									130,4	37,2		93,2
21	Dự án khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng Chiềng Khoa	90,8									90,8	67,9	2,8	20,1
22	Dự án khu đô thị trung tâm Vân Hồ	18,0									18,0	11,4	1,3	5,3
23	Dự án khu dân cư km 173+500	1,4									1,4			1,4

TT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)											
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất			
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT
24	Dự án khu dân cư mới (khu vực 2.5,2.6,2.10) tại xã Phiêng Luông huyện Mộc châu và xã Chiềng Khoa huyện Vân Hồ thuộc khu du lịch quốc gia Mộc Châu	27,9								27,9	11,8		16,1	
25	Dự án khu dân cư số 5	8,3	2,4	1,5		0,9				5,9	0,0		5,8	
26	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng Nàng Tiên	11,5								11,5	9,0	0,7	1,8	
27	Dự án khu du lịch nghỉ dưỡng thác Chiềng Khoa	47,2								47,2	42,7		4,5	
28	Dự án khu nghỉ dưỡng Xuân Nha	55,3								55,3	26,8		28,6	
29	Dự án khu sản xuất, chế biến nông sản tập trung	2,4								2,4	2,4			
30	Dự án mây trời Vân Hồ	81,5								81,5	65,3	1,1	15,0	
31	Dự án nông nghiệp Cao Nguyên Xanh	6,9								6,9	0,9		6,1	
32	Dự án sinh thái, biệt thự nghỉ dưỡng Resort tại xã Lóng Luông	17,2								17,2	12,9		4,3	
33	Dự án thao trường quân sự xã Liên Hòa	0,9								0,9			0,9	
34	Khu đất giao cho Công ty CP chế biến thực phẩm công nghệ cao	572,7	239,1	222,8	0,2	16,2				333,6	314,7		18,9	
35	Khu bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc Mông và bảo tồn phát triển văn hóa dân tộc gản với du lịch cộng đồng bản Mường An, xã Xuân Nha	18,3								18,3	6,3	0,1	11,8	
36	Khu biệt thự nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái Đồi Mây Vân Hồ	9,1								9,1	7,3		1,7	
37	Khu du lịch sinh thái Pa Cốp	0,0	0,0			0,0								
38	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Heritage village	5,1	5,1			5,1								
39	Khu nghỉ dưỡng thiên đường Hoa vui chơi giải trí ngoài trời, cung đường chữ S huyền thoại	21,1								21,1	10,2		11,0	
40	Khu tái định cư cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (Bản Pa Puoc)	3,0								3,0			3,0	
41	Khu tái định cư cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (Bản Pang)	0,1								0,1		0,1		
42	Khu tái định cư cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (Bản Ui Mieng Men)	0,1								0,1	0,1			
43	Khu tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng cao cấp-sân golf-du lịch cộng đồng Pa Cốp	26,7	26,1	18,5		7,6				0,6	0,6			
44	Khu tham quan vui chơi giải trí Hua Tạt Pretige Resort	32,4								32,4		16,2	16,2	
45	Khu trường quay ngoài trời Vân Hồ	660,7								660,7	159,3		501,3	
46	Khu vực bãi thải của Công ty CP đầu tư khoáng sản Sơn La	0,6								0,6	0,6			
47	Khu vực dự kiến bổ sung khai thác mỏ đá Minh Tâm Tây bắc	6,5								6,5	5,5		1,0	
48	Lúa nước Lóng Luông	18,3								18,3	0,7		17,7	
49	Mỏ Đá xây dựng bản Nà Pa xã Mường men	0,1	0,1	0,1										
50	Mỏ đá bản Mường An xã Xuân Nha	2,2	2,2	2,1		0,1								
51	Mỏ đá bản Pàn Ngựa Tô Múa	1,6								1,6	1,6			



TT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)										
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất		
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT
52	Mỏ đá bản Thuông Cuông	1,5								1,5	1,2		0,3
53	Mỏ đá công ty TNHH Minh Tâm Tây Bắc	0,0								0,0			0,0
54	Mỏ đá Chiềng Di	6,8								6,8	2,4		4,4
55	Mỏ đá Hua Tật công ty TNHH Minh Tâm Tây Bắc	0,9								0,9	0,0		0,9
56	Mỏ đá vôi tại bản Pàn Ngùa	2,7								2,7	1,8		0,9
57	Mỏ đất san lấp đồi Hua Tật xã Vân Hồ (khu 2)	2,6								2,6	1,1		1,5
58	Mỏ than Suối Bàng II, xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ	120,2								120,2	118,3		1,9
59	Mỏ than Suối Bàng, xã Suối Bàng, huyện Vân Hồ	4,3								4,3	4,3		
60	Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	14,8	3,3	2,5		0,9				11,5	6,1		5,4
61	Sân bóng đá bản Bó Mòng xã Tô Múa	1,1	1,1			1,1							
62	Sân golf Vân Hồ	14,7								14,7	6,5		8,2
63	Sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển du lịch sinh thái Suối Bon	55,9								55,9			55,9
64	Thao trường huấn luyện xã Tô Múa	0,6								0,6			0,6
65	Thủy điện Sơ Vin	2,3	0,2			0,2				2,1			2,1
66	Thủy điện Suối Quan, xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ	4,5								4,5	2,5		2,0
67	Thủy điện Suối Tân 3, xã Chiềng Yên, Mường Men, Quang Minh, huyện Vân Hồ	21,1	0,8	0,8		0,0				20,3	1,4	0,3	18,7
68	Thu hồi đất trồng cây cao su của Công ty CP cao su Sơn La	183,7								183,7			183,7
69	Trạm cân Bộ Công an	1,1								1,1	0,8		0,3
70	Trang trại chăn nuôi Minh Thủy Xuân Nha	239,5								239,5	10,7	13,0	215,8
71	Trụ điện tuyến PA	0,6	0,2	0,2		0,1				0,4	0,2		0,2
72	Trung tâm điều dưỡng và phục hồi chức năng của Bộ Công an tại huyện Vân Hồ	2,0								2,0			2,0

## 2. Danh mục các dự án định hướng (chưa có bản đồ cụ thể)

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
1	Cát Xây dựng Bản Mường An xã Xuân Nha	Khoáng sản	Chưa xác định được ranh giới
2	Đá xây dựng bản Bó Nhàng 2 xã Vân Hồ	Khoáng sản	Chưa xác định được ranh giới
3	Đá xây dựng Bản Coong xã Quang Minh	Khoáng sản	Chưa xác định được ranh giới
4	Đá xây dựng Bản Suối Lìn Xã Vân hồ	Khoáng sản	Chưa xác định được ranh giới

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
5	Dự án đường xã Mường Men	Giao thông	Chưa xác định được ranh giới
6	Nhà văn hóa bản ALang	Xây dựng	Chưa xác định được ranh giới
7	Tuyến đường xã Mường Tè	Giao thông	Chưa xác định được ranh giới
8	Bảo tồn và phát triển các loài động, thực vật nguy cấp quý hiếm tại hành lang nối liền hai khu bảo tồn Hang Kia – Pà Cò (Hòa Bình) và Xuân Nha (Sơn La)	Nông nghiệp	Chưa xác định được ranh giới
9	Bảo tồn và phát triển rừng khu vực xã Suối Bằng, Liên Hòa	Nông nghiệp	Chưa xác định được ranh giới
10	Chăn nuôi bò thịt tập trung	Nông nghiệp	Chưa xác định được ranh giới
11	Công viên chủ đề và du lịch sinh thái	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định được ranh giới
12	Dự án Bảo tồn Hang mộ Tạng Mè	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định được ranh giới
13	Dự án cung cấp nước sạch khu trung tâm hành chính, chính trị huyện và tại địa bàn các xã lân cận	Cấp nước	Chưa xác định được ranh giới
14	Dự án khu chăn nuôi tập trung tại các xã	Nông nghiệp	Chưa xác định được ranh giới
15	Khu dân cư dọc QL6	Dân cư	Chưa xác định được ranh giới
16	Khu dịch vụ du lịch	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định được ranh giới
17	Khu du lịch thương mại	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định được ranh giới
18	Khu thể thao mạo hiểm	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định được ranh giới
19	Khu vui chơi giải trí trong và ngoài trời	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định được ranh giới
20	Phát triển du lịch cộng đồng bản Hua Tạt	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định được ranh giới
21	Phát triển du lịch cộng đồng bản Suối Lìn	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định được ranh giới
22	Phát triển trang trại chăn nuôi đại gia súc	Nông nghiệp	Chưa xác định được ranh giới
23	Quần thể du lịch, nghỉ dưỡng, sinh thái và vui chơi giải trí	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định được ranh giới
24	Trồng cây dược liệu dưới tán rừng	Nông nghiệp	Chưa xác định được ranh giới
25	Tái cơ cấu nông lâm vùng Chiềng Yên, Quang Minh, Xuân Nha	Nông nghiệp	Không có hệ tọa độ Vn2000

## XII. Huyện Yên Châu:

## 1. Danh mục các dự án có ranh giới bản đồ sử dụng đất lâm nghiệp

TT	Tên dự án	Tổng cộng (ha)	Sử dụng đất lâm nghiệp (ha)											
			Đất, rừng phòng hộ				Đất, rừng đặc dụng				Đất, rừng sản xuất			
			Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT	Σ	RTN	RT	ĐT
	<b>Tổng huyện</b>	<b>194,5</b>	<b>93,1</b>	<b>37,0</b>		<b>56,1</b>				<b>101,4</b>	<b>50,4</b>	<b>23,6</b>	<b>27,4</b>	
1	Đường giao thông từ Chiềng Khoi-Phiêng Khoài	6,0	4,5			4,5				1,6			1,6	
2	Antimon bản Đin Chí, xã Chiềng Tương	86,4	63,0	25,4		37,6				23,4	19,7		3,7	
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS thị trấn, huyện Yên Châu	0,1								0,1		0,1		
4	Công ty cổ phần khoáng sản Bảo An thuê để khai thác quặng antimon và các công trình phụ trợ	15,5	15,5	1,5		14,0								
5	Công ty TNHH chăn nuôi Chiềng Hặc thuê đất để xây dựng khu chăn nuôi và trồng rừng	21,1								21,1	5,8	10,2	5,2	
6	Chi nhánh Cty CP XD thương mại Xuân Hùng tại Sơn La thuê đất để khai thác	0,2								0,2			0,2	
7	Dự án khu dân cư Yên Thi	5,7								5,7	4,7		1,0	
8	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và nhà ở cao cấp hồ Mường Lựm	4,8	4,8	4,8										
9	Mỏ đá vôi bản Tà Vàng xã Lóng Phiêng	0,98								0,98	0,51		0,5	
10	Mỏ đất bản Bất Đông xã Sập Vạt huyện Yên Châu	4,1								4,1		2,1	2,1	
11	Mỏ Antimon bản Đin Chí xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu	5,3	5,3	5,3										
12	Mỏ than Tô Pan, xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu	9,1								9,1	2,4	1,5	5,2	
13	Nhà máy gạch Tuynel Yên Châu	0,9								0,9			0,9	
14	Than Mường Lựm, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	2,5								2,5	1,5		0,9	
15	Than Tô Pang Xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu	0,4								0,4			0,4	
16	Thao trường huấn luyện quân sự huyện Yên Châu	30,5								30,5	15,7	9,7	5,2	
17	Thu hồi bãi rác xã Viêng Lán	0,6								0,6			0,6	
18	Trạm biến áp 110kv huyện Yên Châu	0,3								0,3	0,2	0,1		

## 2. Danh mục các dự án định hướng (chưa có bản đồ cụ thể)

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
1	Công ty CP tư vấn mỏ và xây dựng Trường Xuân, mỏ đá vôi Tà Vàng, xã Lóng Phiêng,	Khoáng sản	Xác định lại ranh giới
2	Đá xây dựng bản Bó Phương xã Yên Sơn	Thủy điện, năng lượng	Xác định lại ranh giới
3	Đất xét gạch ngói bản Chiềng Thi xã Chiềng Păn	Thủy điện, năng lượng	Xác định lại ranh giới
4	Dự án thủy điện Chiềng Hắc 2	Thủy điện, năng lượng	Xác định lại ranh giới
5	Than Khe Lay xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	Khoáng sản	Xác định lại ranh giới

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
6	Than Mường Lựm, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	Khoáng sản	Xác định lại ranh giới
7	Thủy điện Huổi Luông	Thủy điện, năng lượng	Xác định lại ranh giới
8	Thủy điện Phiêng Côn, xã Phiêng Côn, Hua Nhân, huyện Bắc Yên	Thủy điện, năng lượng	Xác định lại ranh giới
9	Cải tạo, nâng cấp đường từ xã Phiêng Păn qua Đồn Biên phòng 459 đến mốc 219/Sơn La	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
10	Căn cứ hậu cần, thao trường Chiềng Khoi	Quốc phòng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
11	Đất thương mại dịch vụ trong khu nghỉ dưỡng cao cấp Mường Lựm	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
12	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư bờ hồ Yên Thi	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
13	Điểm mỏ đất san lấp tại bản Huổi Qua	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
14	Điểm mỏ đất san lấp tại bản Mệt Sai	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
15	Điểm mỏ đất san lấp tại bản Nà Khái	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
16	Điểm mỏ đất san lấp tại bản Phát điểm 1	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
17	Điểm mỏ đất san lấp tại bản Phát điểm 2	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
18	Điểm mỏ đất san lấp tại bản Phát điểm 3	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
19	Dự án cao tốc Mộc Châu - TP. Sơn La (Sơn La)	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
20	Dự án dân cư Lóng Phiêng, Yên Thi	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
21	Đường dây xuất tuyến sau trạm biến áp	Điện Lực	Chưa xác định ranh giới bản đồ
22	Đường giao thông Yên Châu-Bắc Yên	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
23	Khu du lịch sinh thái hồ Chiềng Khoi	Thương mại	Chưa xác định ranh giới bản đồ
24	Khu du lịch sinh thái tâm linh Hang Chi Đầy	Thương mại	Chưa xác định ranh giới bản đồ
25	Khu du lịch sinh thái thác Mây Mo, xã Mường Lựm	Khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
26	Khu du lịch sinh thái thác Tà Làng Cao, xã Tú Nang	Khác	Chưa xác định ranh giới bản đồ
27	Mỏ đá bản Tà Vàng xã Lóng Phiêng	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
28	Mỏ khai thác đá xây dựng Cò Chĩa	Khoáng sản	Chưa xác định ranh giới bản đồ
29	Nâng cấp đường Nà Cài - bản Khuông, xã Chiềng On	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
30	Nhà máy sản xuất bao bì Chiềng Hặc	Thương mại	Chưa xác định ranh giới bản đồ
31	Nhà Văn hóa, khu dân cư một số xã	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
32	Thao trường huấn luyện quân sự huyện Yên Châu	Xây dựng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
33	Tổng hợp cây ăn quả	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
34	Trận địa súng máy phòng không 12,7 mm Viêng Lán	Quốc phòng	Chưa xác định ranh giới bản đồ
35	Xử lý cung đường đen TNGT trên QL.6C đoạn Km 38+480- Km38+680 địa phận tỉnh Sơn La	Giao thông	Chưa xác định ranh giới bản đồ
36	Bến xe xã Lóng Phiêng (bản Yên Thi)	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
37	Chỉnh trang đô thị tiểu khu 1, thị trấn Yên Châu, khu dân cư nông thôn mới xã Viêng Lán, huyện Yên	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ

Stt	Tên dự án (theo TL thu thập)	Loại dự án	Ghi chú
	Châu.		
38	Chợ trung tâm xã Tú Nang	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
39	Chợ xã Lóng Phiêng ( bản Yên Thi)	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
40	Cụm công nghiệp Sập Vật	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
41	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước đô thị Phiêng Khoài	Cấp nước	Chưa xác định ranh giới bản đồ
42	Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Yên Châu	Cấp nước	Chưa xác định ranh giới bản đồ
43	Khu dân cư mới tiểu khu 1, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Dân cư	Chưa xác định ranh giới bản đồ
44	Khu du lịch sinh thái Mỏ nước nóng Chiềng Đông	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
45	Khu du lịch sinh thái Suối Sập, xã Chiềng Hặc	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
46	Khu du lịch tâm linh Hang Chi Đáy	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
47	Khu giết mổ gia súc tập trung huyện Yên Châu	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
48	Nhà máy chế biến Nông sản Nà Phiêng, xã Chiềng Hặc	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
49	Nhà máy chế biến nông sản xã Tú Nang	Nông nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
50	Nhà máy chế biến quả và dược liệu	Công nghiệp	Chưa xác định ranh giới bản đồ
51	Phát triển du lịch bản Thín Khả	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ
52	Trung bày và giới thiệu nông sản tại khu vực đèo Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Thương mại - Dịch vụ - DL	Chưa xác định ranh giới bản đồ